KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VŨ VĂN HÙNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THANH CHI – PHAN THANH HÀ
NGÔ DIỆU NGA – ĐÀO THỊ SEN

Vở bài tập KHOA HỌC 4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ VĂN HÙNG (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THANH CHI – PHAN THANH HÀ
NGÔ DIỆU NGA – ĐÀO THỊ SEN

Vở bài tập
KHOA HỌC 4

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	2
Lời nói đầu	3
Chủ đề 1. CHẤT	4
Bài 1. Tính chất của nước và nước với cuộc sống	4
Bài 2. Sự chuyển thể của nước và vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên	7
Bài 3. Sự ô nhiễm và bảo vệ nguồn nước. Một số cách làm sạch nước	10
Bài 4. Không khí có ở đâu? Tính chất và thành phần của không khí	13
Bài 5. Vai trò của không khí và bảo vệ bầu không khí trong lành	16
Bài 6. Gió, bão và phòng chống bão	19
Bài 7. Ôn tập chủ đề *Chất*	22
Chủ đề 2. NĂNG LƯỢNG	24
Bài 8. Ánh sáng và sự truyền ánh sáng	24
Bài 9. Vai trò của ánh sáng	27
Bài 10. Âm thanh và sự truyền âm thanh	30
Bài 11. Âm thanh trong cuộc sống	32
Bài 12. Nhiệt độ và sự truyền nhiệt	34
Bài 13. Vật dẫn nhiệt tốt, vật dẫn nhiệt kém	36
Bài 14. Ôn tập chủ đề *Năng lượng*	39
Chủ đề 3. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	41
Bài 15. Thực vật cần gì để sống?	41
Bài 16. Động vật cần gì để sống?	45
Bài 17. Chăm sóc cây trồng, vật nuôi	48
Bài 18. Ôn tập chủ đề *Thực vật và động vật*	51
Chủ đề 4. NẤM	53
Bài 19. Đặc điểm chung của nấm	53
Bài 20. Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm	55
Bài 21. Nấm gây hỏng thực phẩm và nấm độc	57
Bài 22. Ôn tập chủ đề *Nấm*	58
Chủ đề 5. CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	60
Bài 23. Vai trò của chất dinh dưỡng đối với cơ thể	60
Bài 24. Chế độ ăn uống cân bằng	62
Bài 25. Một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng	64
Bài 26. Thực phẩm an toàn	66
Bài 27. Phòng tránh đuối nước	68
Bài 28. Ôn tập chủ đề *Con người và sức khoẻ*	70
Chủ đề 6. SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	72
Bài 29. Chuỗi thức ăn trong tự nhiên	72
Bài 30. Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn	75
Bài 31. Ôn tập chủ đề *Sinh vật và môi trường*	78

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Khoa học 4 – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống được biên soạn nhằm giúp các em ôn luyện và củng cố kiến thức trong quá trình học tập môn Khoa học 4.

Các dạng bài tập trong vở được thiết kế đa dạng như bài tập trắc nghiệm; phát hiện đúng, sai; điền từ thích hợp vào chỗ (...); nối hoặc ghép các nội dung phù hợp; giải thích các tình huống thực tế,... giúp củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng học tập cũng như phát triển năng lực môn học. Vì vậy, các em có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.

Hi vọng cuốn *Vở bài tập Khoa học 4* sẽ là người bạn đồng hành gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công!

CÁC TÁC GIẢ

CHỦ ĐỀ 1 CHẤT

Bài 1 TÍNH CHẤT CỦA NƯỚC VÀ NƯỚC VỚI CUỘC SỐNG

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ a) Nước có thể thấm qua mọi vật.

☐ b) Người ta thường lát sàn nhà tắm hoặc sân nhà nghiêng về phía miệng cống để nước thoát nhanh.

☐ c) Con người chỉ cần thức ăn để sống.

☐ d) Nước có thể hoà tan mọi chất.

☐ e) Nước không có hình dạng nhất định mà có hình dạng của vật chứa nó.

☐ g) Có thể dùng giấy vệ sinh hoặc vải bông để thấm nước.

2 Một bạn học sinh có việc làm đáng khen ngợi, trên đường đi học về bạn đó đã dừng lại khơi thông miệng hố ga, giúp chống ngập nước (hình bên).



Sử dụng các từ/cụm từ: *cao, thấp, tan trong nước* để điền vào chỗ (...) phù hợp với các câu sau để giải thích cho việc làm của bạn:

Nước chảy từ (1) ..... xuống (2) ..... Quanh miệng hố ga là nơi thấp hơn mặt đường, khi trên miệng hố ga có rác chứa các chất không (3) ..... sẽ bịt miệng hố và gây ngập nước. Do vậy, khi lấy rác ra khỏi miệng hố ga, nước chảy xuống phía dưới sẽ chống được ngập nước.

3 a) Quan sát hình bên và cho biết cốc nào chứa nước, cốc nào chứa sữa? Vì sao em biết?



.....

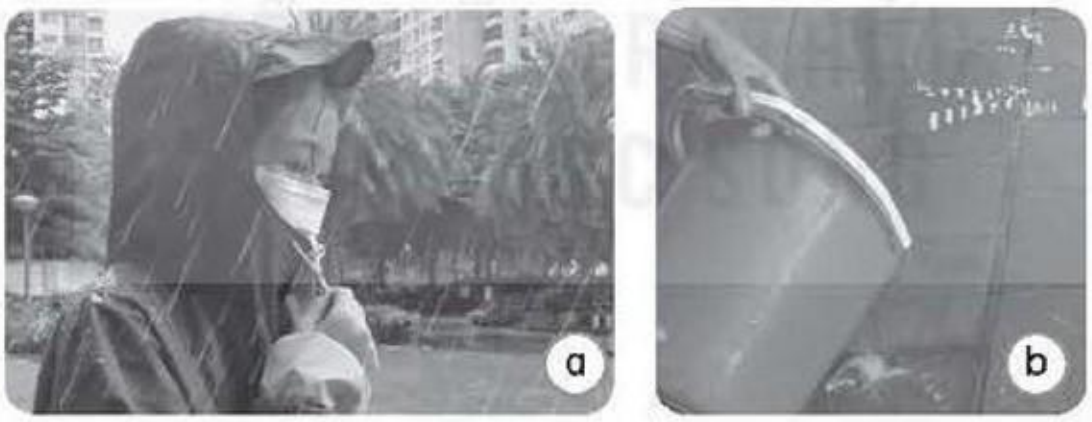
.....

.....

b) Nối mỗi nội dung ở cột A với các nội dung ở cột B cho phù hợp với hình trên.

A Chất	B Tính chất
	a) Không màu
	b) Mùi thơm
1. Nước	c) Màu trắng đục
2. Sữa	d) Không mùi
	e) Không vị
	g) Vị ngọt

4 a) Quan sát hình dưới và cho biết:



– Tác dụng của việc mặc áo mưa khi đi dưới trời mưa (hình a):

.....

– Tác dụng của việc dội nước khi cọ nhà (hình b):

.....

b) Chỉ ra tính chất của nước mà con người đã vận dụng trong mỗi hình.

– Hình a: .....

– Hình b: .....

5 Chỉ ra các tính chất của nước mà con người đã vận dụng để pha trà gói (hình bên).

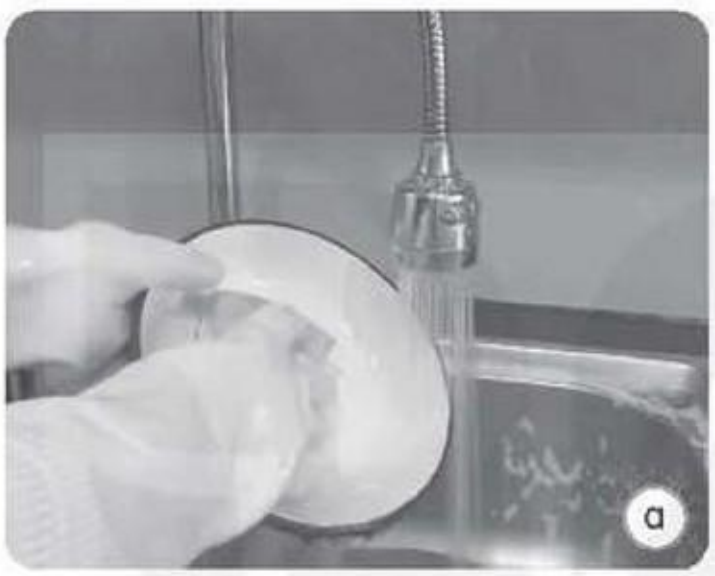


.....

.....

.....

6 Quan sát hình dưới và cho biết:





a) Hoạt động gì đang diễn ra trong mỗi hình?

– Hình a: .....

– Hình b: .....

b) Nếu không có nước thì hoạt động trong mỗi hình sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

.....

.....

.....

c) Tính chất của nước mà con người đã vận dụng trong mỗi hình.

– Hình a: .....

.....

– Hình b: .....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2 SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC VÀ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ a) Trong tự nhiên, nước có thể tồn tại ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.

☐ b) Hiện tượng nóng chảy tương ứng với sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể rắn.

☐ c) Hiện tượng ngưng tụ tương ứng với sự chuyển thể của nước từ thể rắn sang thể lỏng.

☐ d) Hiện tượng bay hơi tương ứng với sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể khí.

☐ e) Hiện tượng đông đặc tương ứng với sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể rắn.

2 Người ta thường sấy tóc sau khi gội đầu (hình a) và phơi quần áo ướt dưới ánh nắng mặt trời (hình b).





a) Cho biết mục đích của những việc làm này và giải thích.

.....

.....

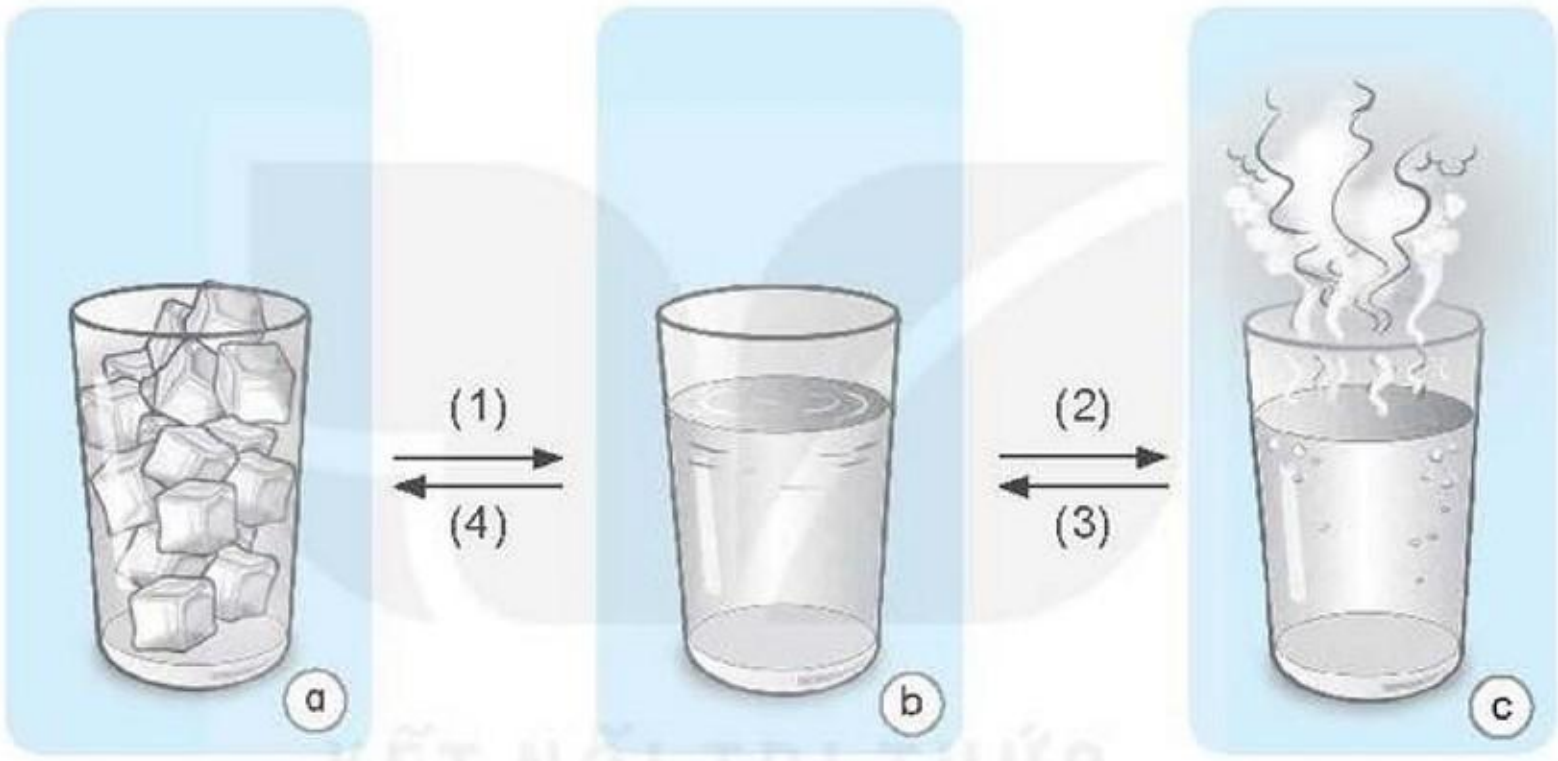
.....

b) Hiện tượng nào đã xảy ra tương ứng với sự chuyển thể của nước trong mỗi hình?

– Hình a: .....

– Hình b: .....

3 Quan sát nội dung trong hình và sử dụng các từ/cụm từ: *bay hơi, thể lỏng, đông đặc, thể khí, thể rắn* để điền vào chỗ (...) trong bảng dưới cho phù hợp.

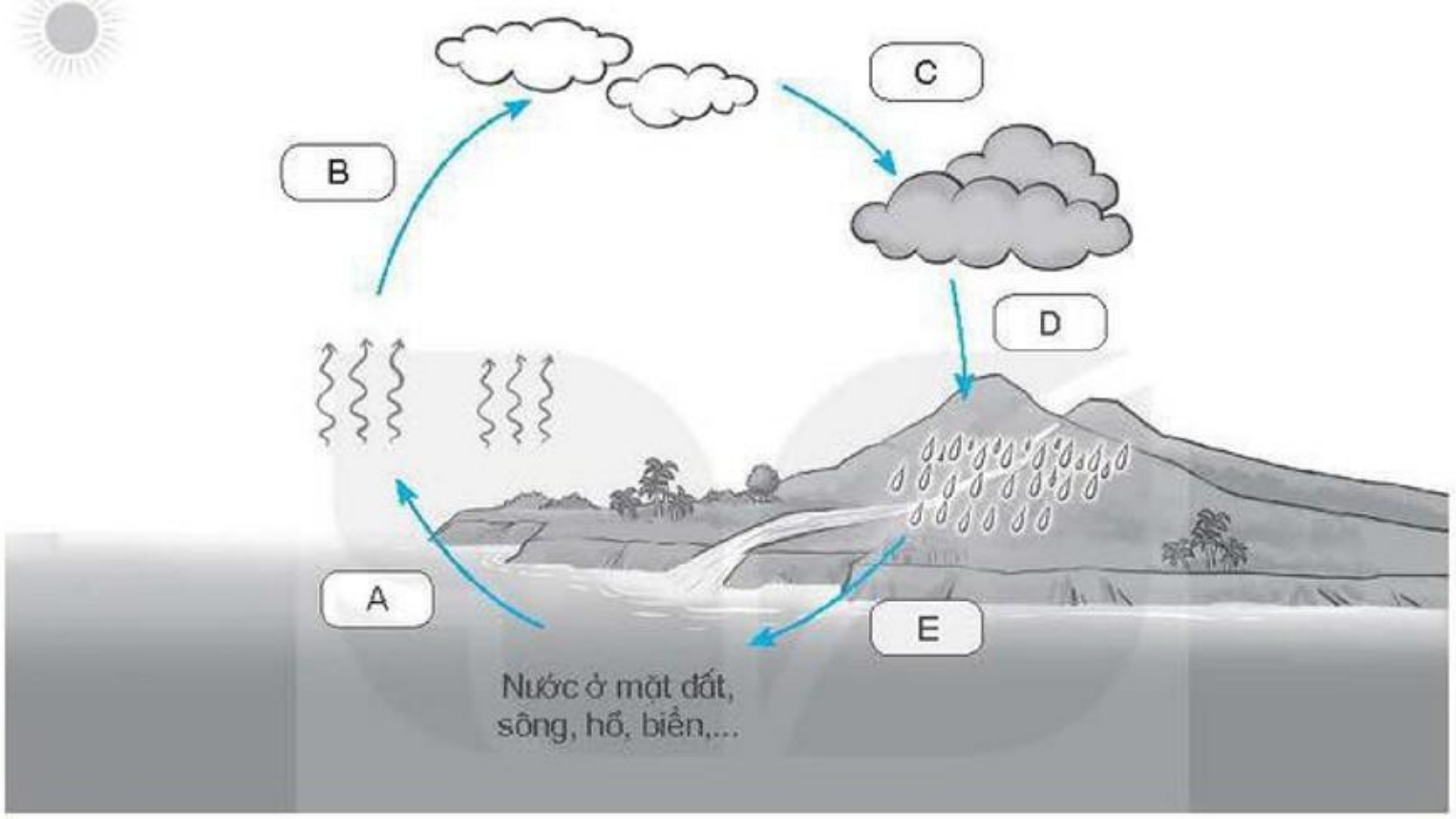


Mũi tên	Sự chuyển thể	Hiện tượng
(1)	Thể rắn →	Nóng chảy
(2)	Thể lỏng → thể khí	.....
(3)	..... → thể lỏng	Ngưng tụ
(4)	Thể lỏng →	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Cho các từ/cụm từ: *bay hơi, tiếp tục ngưng tụ, ngưng tụ, trở về, mưa.*

a) Sử dụng các từ/cụm từ trên điền vào các ô trống A, B, C, D, E trong hình dưới để hoàn thành sơ đồ "vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên".



b) Sử dụng các từ/cụm từ trên điền vào các chỗ (...) trong các câu dưới đây để nói về "vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên".

Mặt Trời làm nước ở mặt đất, sông, hồ, biển,... nóng lên thành hơi nước và (1)..... vào không khí.

Khi lên cao gặp lạnh, hơi nước (2) ..... thành những giọt nước nhỏ li ti và hợp thành những đám mây trắng.

Những giọt nước nhỏ trong đám mây trắng (3)..... thành những giọt nước lớn hơn, tạo thành đám mây đen.

Những giọt nước lớn trong đám mây đen rơi xuống thành (4) ..... và cùng nhau (5)..... với đất, sông, hồ, biển,...

Bài 3 SỰ Ô NHIỄM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC. MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC

1 a) Việc làm nào dưới đây **không** gây ô nhiễm nguồn nước?

A. Xả rác và nước thải bừa bãi.

B. Nước thải chưa qua xử lí từ các nhà máy xả xuống sông, hồ.

C. Sử dụng xe đạp làm phương tiện giao thông.

D. Sử dụng thuốc trừ sâu trong nông nghiệp.

b) Khoanh vào chữ cái trước câu đúng về cách làm sạch nước.

A. Lọc đối với nước chứa vi khuẩn.

B. Đun sôi đối với nước chứa chất không tan.

C. Khử trùng với nước chứa ít vi khuẩn.

D. Lọc đối với nước chứa chất không tan.

2 a) Đọc thông tin trong hoá đơn tiền nước dưới đây và sử dụng các số 70, 140, 105, 175 điền vào chỗ (...) cho phù hợp với bảng 1 mô tả lượng nước tiêu thụ và số tiền nộp theo đơn giá trong hoá đơn (Giả sử 25 m^3 nước sử dụng vẫn có đơn giá 7 nghìn đồng/m^3).

Bảng 1

Lượng nước tiêu thụ (Biết 1 m^3 = 1 000 lít)	Thành tiền (nghìn đồng)
10 m^3	.....
15 m^3	.....
20 m^3	.....
25 m^3	.....

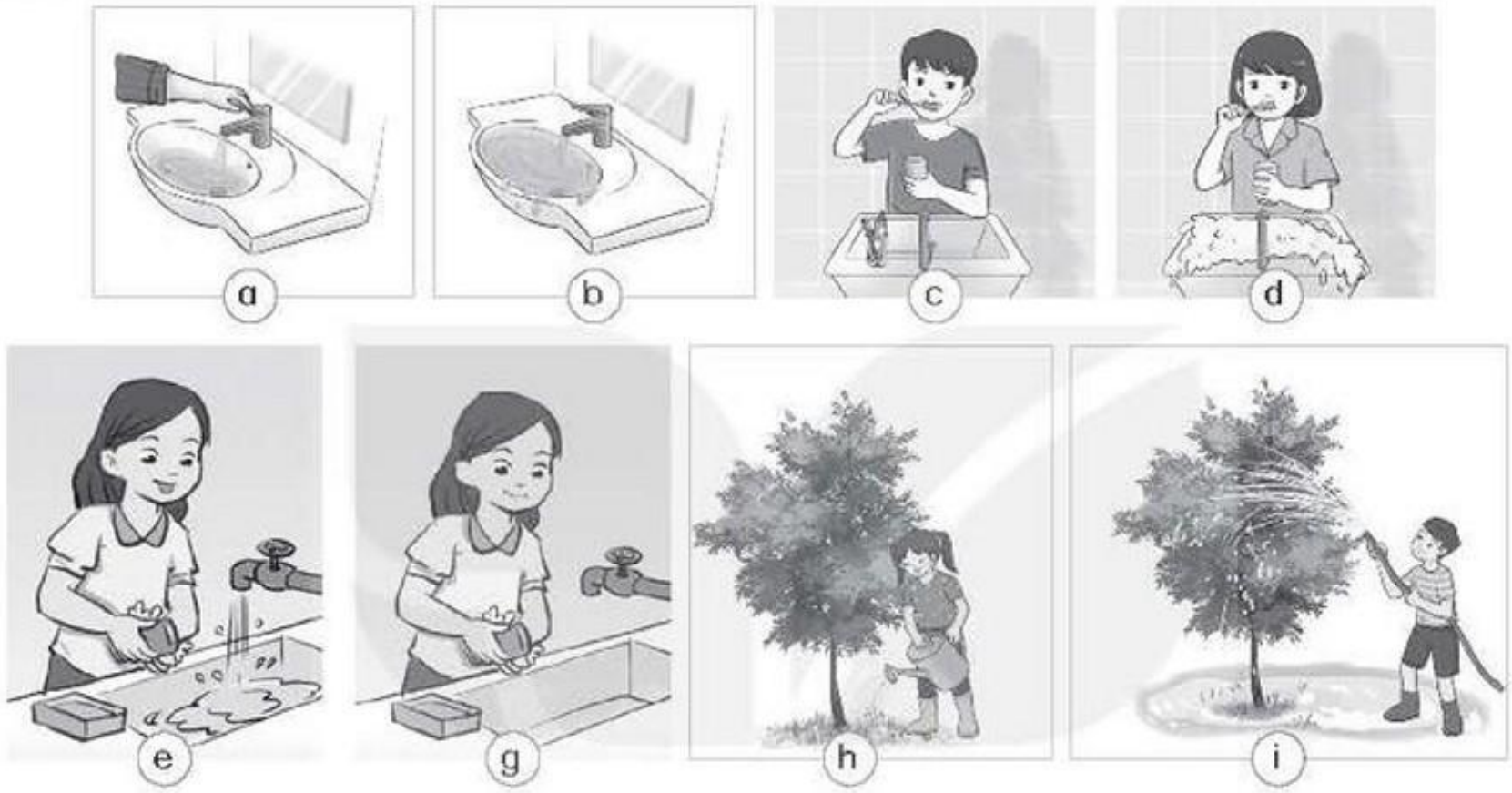
Hoá đơn tiền nước
tháng 3 năm 2021
Khách hàng: Nguyễn Văn An
Địa chỉ: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Lượng nước tiêu thụ: 15 m^3
Đơn giá 1 m^3: 7 nghìn đồng
Thành tiền: 105 nghìn đồng

b) Từ bảng 1 đã hoàn thành, hãy nhận xét mối liên hệ giữa số lượng nước tiêu thụ với số tiền nộp.

.....

.....

3 Quan sát nội dung trong hình và hoàn thành bảng dưới theo gợi ý.

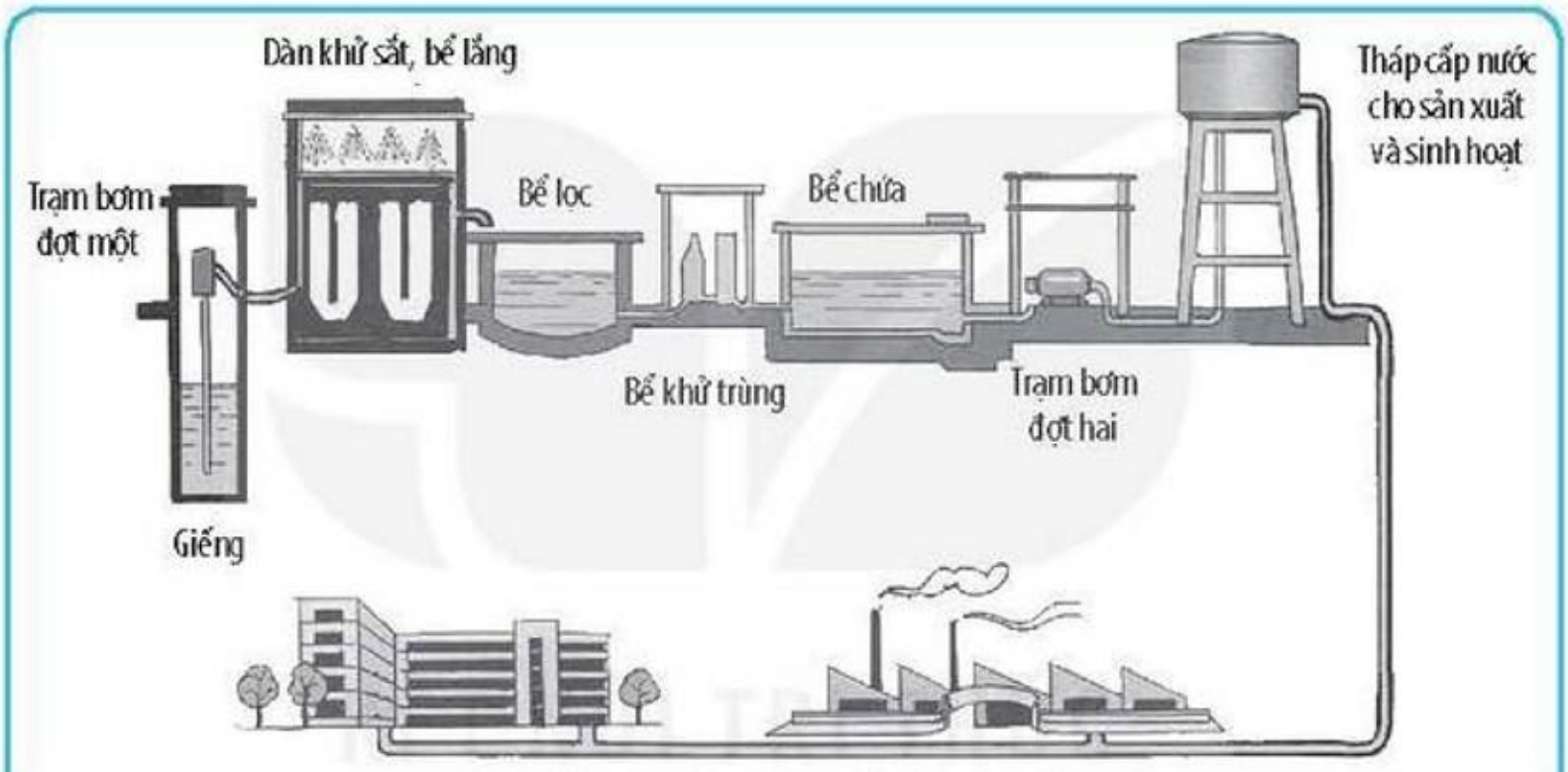


Hình	Nội dung hình	Nên làm	Không nên làm
a	Khoá vòi nước, không để nước chảy tràn ra ngoài	✓	
b	.....		
c	.....		
d	.....		
e	.....		
g	.....		
h	.....		
i	.....		

4 a) Nối mỗi nội dung ở cột A với một nội dung ở cột B cho phù hợp.

A Phương pháp làm sạch nước	B Nguồn nước cần làm sạch
1. Lọc	a) nước máy
2. Khử trùng	b) nước trong bể bơi
3. Đun sôi	c) nước đục

b) Quan sát nội dung trong hình và hoàn thành bảng dưới.



Sơ đồ dây chuyền sản xuất và cấp nước máy

Các giai đoạn trong dây chuyền sản xuất và cấp nước máy	Tác dụng
Trạm bơm đợt một	.....
Dàn khử sắt, bể lắng	.....
Bể lọc	.....
Bể khử trùng	.....
Bể chứa	.....
Trạm bơm đợt hai	.....
Tháp cấp nước sản xuất và sinh hoạt	.....

Bài 4 KHÔNG KHÍ CÓ Ở ĐÂU? TÍNH CHẤT VÀ THÀNH PHẦN CỦA KHÔNG KHÍ

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ a) Không khí chỉ có trong mọi chỗ rỗng bên trong vật.

☐ b) Không khí có xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật.

☐ c) Tính chất giống nhau của không khí và nước là: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.

☐ d) Không khí có thể bị nén lại hoặc dãn ra, còn nước thì không có tính chất này.

☐ e) Không khí chỉ gồm các khí: ni-tơ, ô-xi và các-bô-níc.

2 Khoanh vào chữ cái trước giải thích đúng về hiện tượng cốc nước lạnh có nhiều giọt nước nhỏ **bám phía** ngoài thành cốc khi để trong không khí (hình bên).



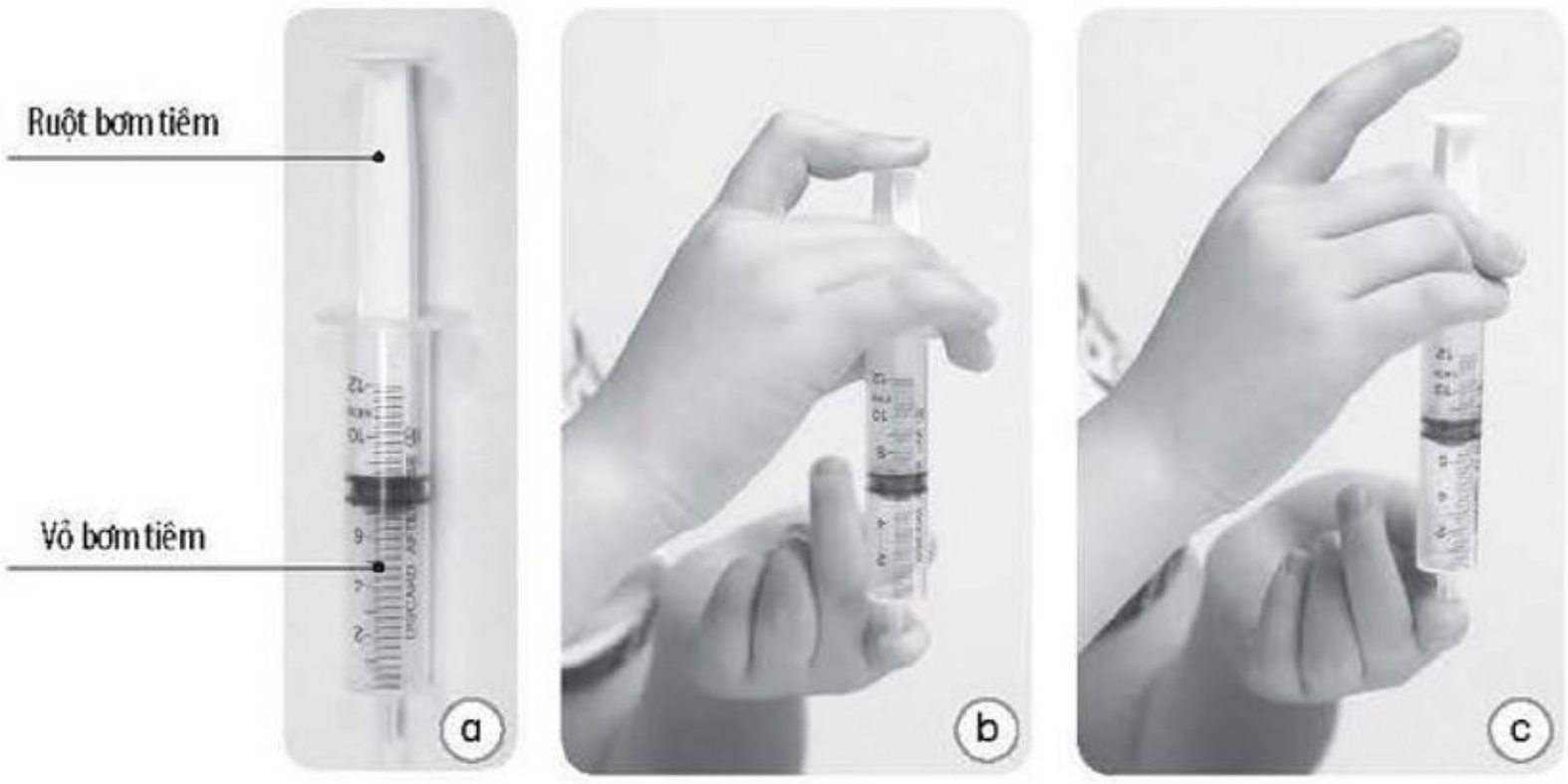
A. Nước có thể thấm qua cốc thuỷ tinh.

B. Nước trong cốc có thể bay ra ngoài không khí và bám vào thành cốc.

C. Hơi nước có trong không khí gặp lạnh ở thành cốc ngưng tụ lại thành nước ở thể lỏng.

D. Cốc nước đã bị nút nên nước trong cốc thấm ra ngoài thành cốc.

3 Quan sát nội dung trong các hình và sử dụng các từ/cụm từ: *nén lại*, *không khí*, *dãn ra* để điền vào chỗ (...) trong các câu dưới đây cho phù hợp (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).



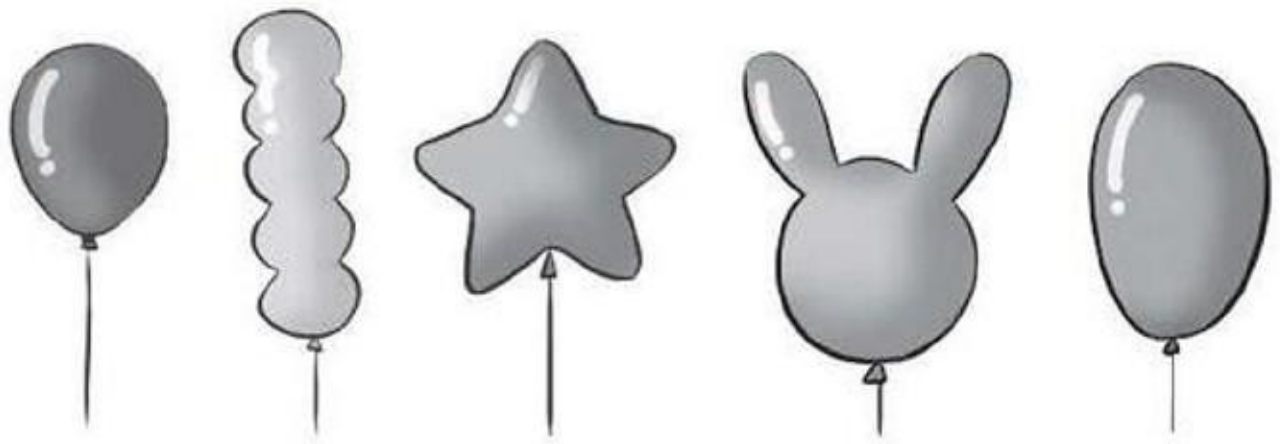
a) Khi dùng ngón tay ấn ruột bơm tiêm vào sâu trong vỏ bơm tiêm (hình b), (1) ..... bị (2) ..... Sau đó thả tay ra (hình c), không khí lại (3) ....., đẩy ruột bơm tiêm lên trên. Qua thí nghiệm, chứng tỏ không khí có thể bị nén lại hoặc dãn ra.

b) Bạn Nam đã ấn ruột bơm xuống để (1) ..... vào bên trong lốp xe, làm lốp căng lên.

Bạn Nam đã áp dụng tính chất (2) ..... của không khí.



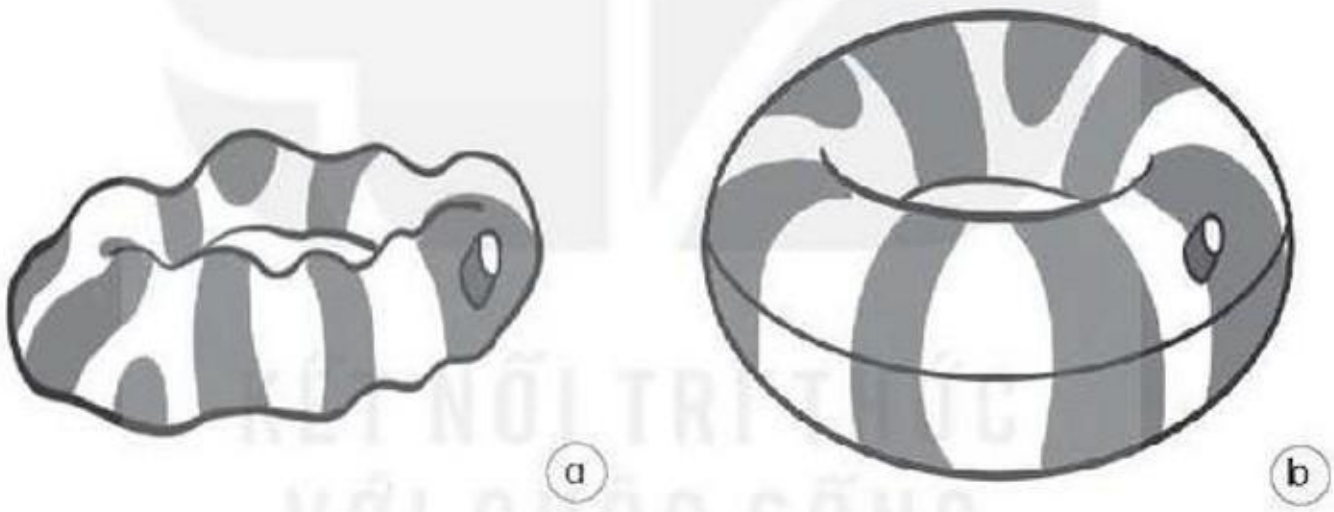
4 Quan sát các quả bóng chứa không khí trong các hình dưới đây, em có nhận xét gì về hình dạng của không khí?



.....

.....

5 a) Cho biết cách làm cho chiếc phao tắm ở hình a căng phồng như hình b.



.....

.....

.....

b) Sau một thời gian sử dụng, chiếc phao bơi bị thủng một lỗ nhỏ. Sử dụng bơm, chậu nước, hãy đề xuất cách làm để phát hiện lỗ thủng trên phao.

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 5 VAI TRÒ CỦA KHÔNG KHÍ VÀ BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ a) Vai trò của không khí là duy trì sự sống và sự cháy.

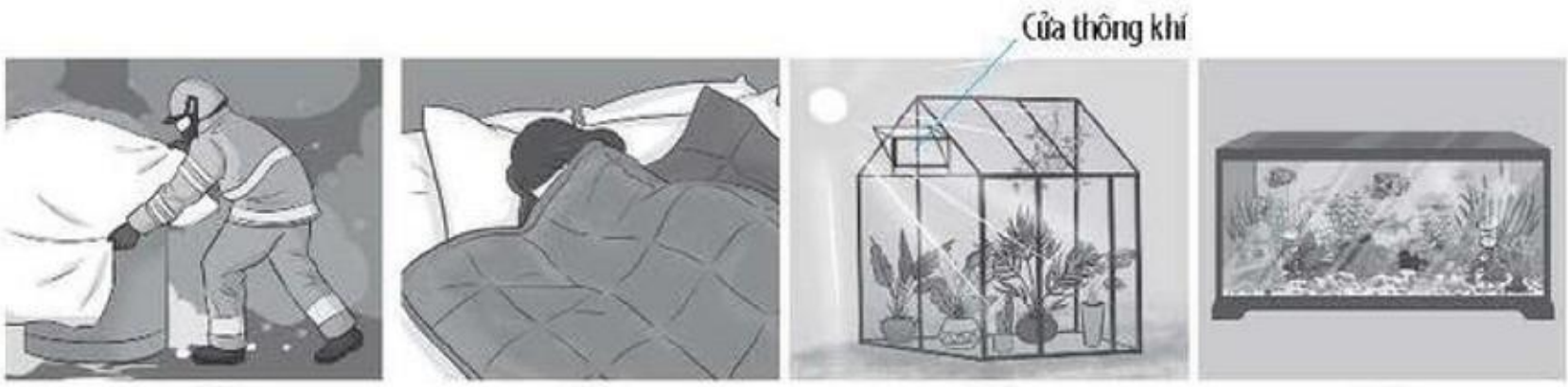
☐ b) Thành phần của không khí chỉ gồm các khí ô-xi, ni-tơ và các-bô-níc.

☐ c) Không khí có chứa bụi với bất kể lượng nào đều là không khí bị ô nhiễm.

☐ d) Không khí nếu chứa khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn,... nhiều đến mức làm hại tới sức khoẻ con người và các sinh vật khác thì không khí đó bị ô nhiễm.

☐ e) Không khí bị ô nhiễm có thể gây hại đến mắt, đường hô hấp,...

2 Sử dụng các từ/cụm từ: *sự cháy, sự sống, không khí, trong lành, duy trì sự sống, duy trì sự cháy* điền vào chỗ (...) cho phù hợp với nội dung trong các hình dưới đây (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).



a) Người ta có thể dập tắt các đám cháy nhỏ, mới cháy bằng cách chùm chăn hoặc khăn dày lên đám cháy (hình a), vì ngăn chặn được (1) ..... đang duy trì (2) .....

b) Chúng ta cảm thấy khó thở hay ngủ không ngon giấc khi ngủ trùm chăn kín (hình b), vì thiếu không khí sẽ không duy trì (3) .....

c) Trong các nhà kính trồng rau thường có cửa thông khí (hình c) để (4) ..... được lưu thông, nhằm (5) ..... cho cây trồng.

d) Người ta sục không khí vào bình cá cảnh (hình d) để tăng lượng không khí trong nước, nhằm (6) ..... cho cá.

e) Chúng ta nên trồng nhiều cây xanh để bảo vệ bầu không khí (7) .....

3 Quan sát hình dưới đây, hãy:



a) Cho biết điều kiện sống khác nhau của cây ở hình a và b, con gián ở lọ c và d.

.....

.....

b) Giải thích vì sao sau cùng một thời gian, cây ở hình b chết trong khi cây ở hình a vẫn sống.

.....

.....

c) Dự đoán sau cùng một thời gian, con gián ở hình d sẽ như thế nào so với con gián ở hình c.

.....

.....

4 Quan sát nội dung trong hình và hoàn thành bảng dưới theo gợi ý.



Hình	Nội dung hình	Nên làm	Không nên làm
a	Đốt rơm, rạ sinh ra khói, bụi gây ô nhiễm môi trường		✓
b	....		
c	....		
d	....		

5 a) Kể các hoạt động gây ô nhiễm không khí mà em biết.

.....

.....

b) Kể các bệnh con người có thể mắc nếu sống trong bầu không khí bị ô nhiễm.

.....

.....

c) Kể các việc làm để bảo vệ bầu không khí trong lành.

.....

.....

Bài 6 GIÓ, BÃO VÀ PHÒNG CHỐNG BÃO

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ a) Không khí chuyển động từ nơi lạnh đến nơi nóng, sự chuyển động này gây ra gió.

☐ b) Không khí chuyển động từ nơi nóng đến nơi lạnh, sự chuyển động này gây ra gió.

☐ c) Không khí chuyển động càng mạnh càng tạo ra gió lớn.

☐ d) Không khí chuyển động càng yếu càng tạo ra gió lớn.

☐ e) Mức độ mạnh của gió được chia thành 18 cấp từ cấp 0 đến cấp17 theo mức độ mạnh dần.

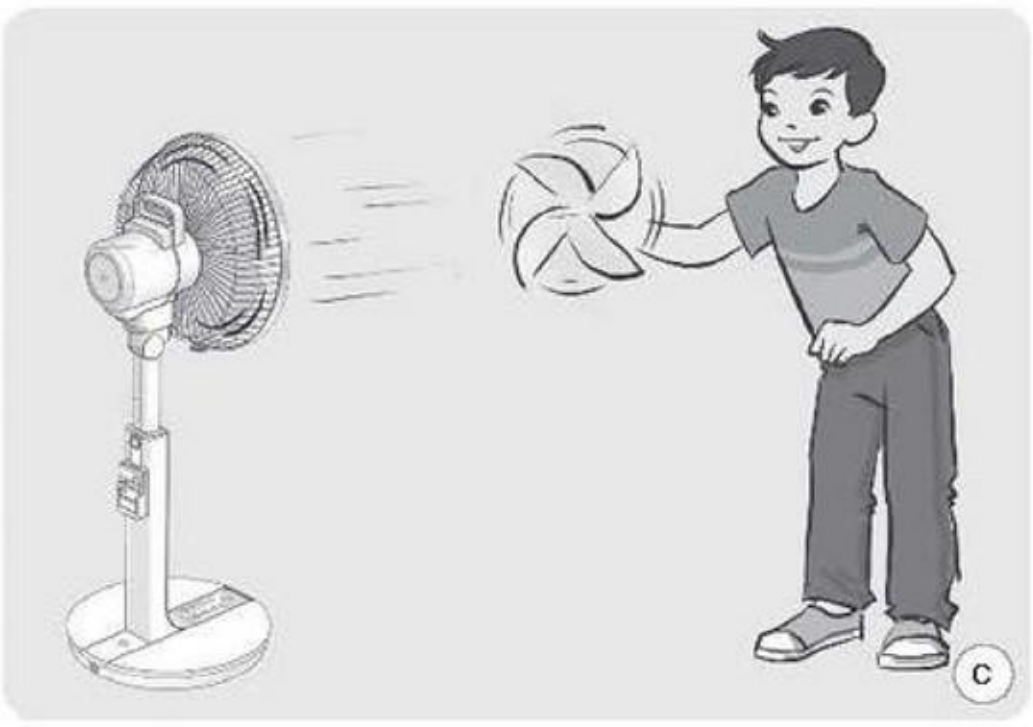
☐ g) Mức độ mạnh của gió được chia thành 18 cấp từ cấp 0 đến cấp 17 theo mức độ yếu dần.

☐ h) Gió từ cấp 8 trở lên gọi là bão.

☐ i) Gió cấp nào cũng gây thiệt hại về người và tài sản.

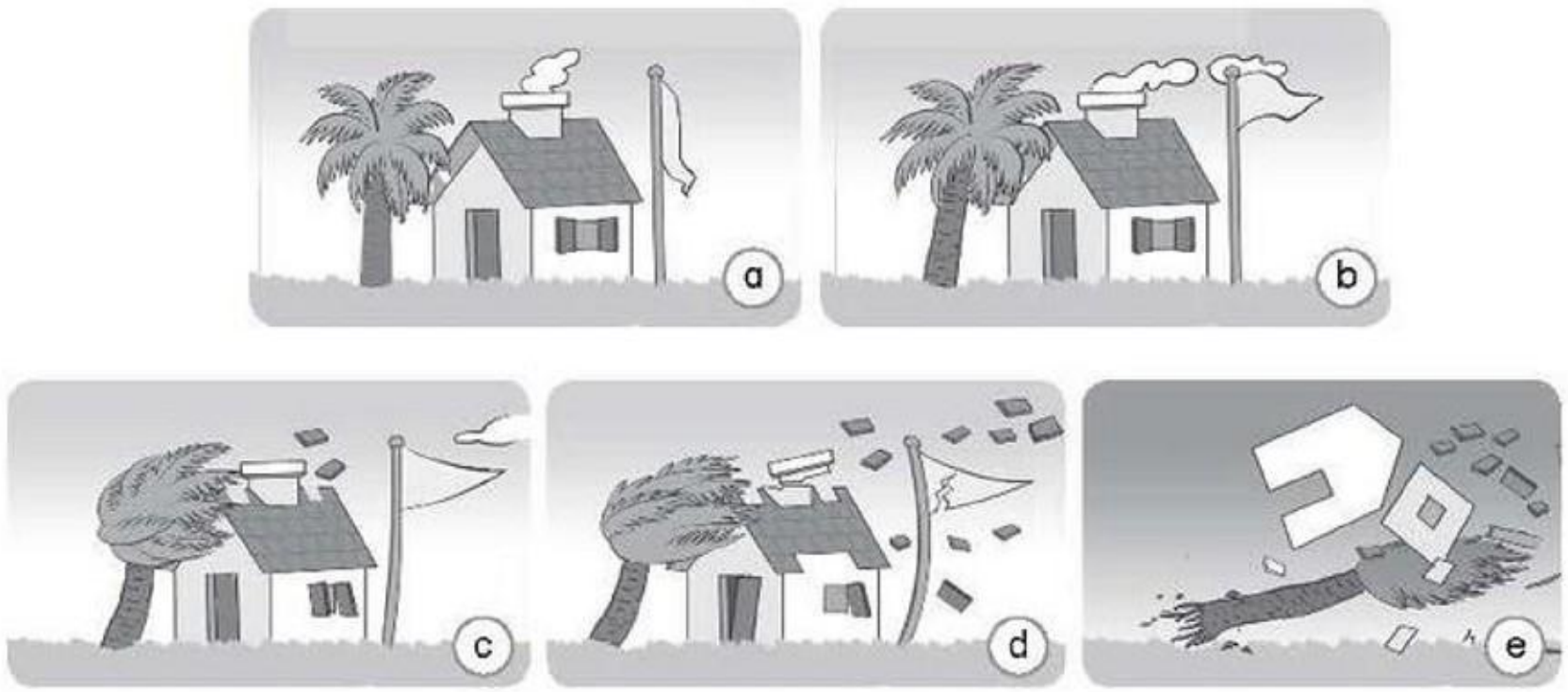
2 Quan sát hình để nối mỗi nội dung ở cột A với một nội dung ở cột B cho phù hợp.





A	B
Gió nhẹ,	chong chóng không quay.
Không có gió,	chong chóng quay nhanh.
Gió mạnh,	chong chóng quay chậm.
Ban ngày,	trên đất liền nóng hơn trên biển.
Ban đêm,	trên biển nóng hơn trên đất liền.
gió thổi từ biển vào đất liền.	Ban ngày,
gió thổi từ đất liền ra biển.	Ban đêm,

3 Quan sát nội dung trong hình và hoàn thành bảng theo gợi ý.



Hình	Nội dung hình	Cấp gió	Có/không cần đề phòng thiệt hại do gió gây ra
a	Cây, ngôi nhà (mái ngói, cửa), cột cờ đều đứng yên, lá cờ và khói bay nhẹ	0 – 3	Không
b	.....	.....	.....
c	.....	.....	.....
d	.....	.....	.....
e	.....	.....	.....

4 a) Ở địa phương em có xảy ra bão không? Nếu có, hãy nêu những thiệt hại do bão gây ra mà em biết.

.....

.....

.....

.....

b) Nêu các biện pháp phòng chống bão mà em biết.

.....

.....

.....

.....

Bài 7 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT

1 Cho các từ/cụm từ: *Một số, chỗ rỗng, không thể, bị ô nhiễm, bay hơi, nóng, lạnh, ngưng tụ, lọc, khử trùng, nén lại, ni-tơ, sự cháy, gây thiệt hại.*

Hãy điền các từ/cụm từ đã cho vào chỗ (...) phù hợp với sơ đồ tóm tắt một số nội dung chính về chủ đề Chất.

Nước

Nước thấm qua (1) ..... vật và hoà tan một số chất.

Nước (2) ..... thiếu trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

Trong "vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên" đã xảy ra hai hiện tượng chuyển thể của nước là (3) ..... và (4) .....

Có thể làm sạch nước bằng cách (5) ..... đối với nước chứa chất không tan, (6) ..... đối với nước chứa vi khuẩn và đun sôi với nước chứa ít vi khuẩn.

Không khí

Thành phần của không khí gồm khí: (7) ....., ô-xi, các-bô-níc và các khí khác. Không khí ở xung quanh mọi vật và mọi (8) ..... bên trong vật. Nó có thể bị (9) ..... hoặc dãn ra.

Vai trò của không khí là duy trì sự sống và (10) ..... Không khí (11) ..... có thể gây hại đến mắt và đường hô hấp,...

Không khí chuyển động từ nơi (12) ..... sang nơi (13) ..... tạo ra gió. Gió càng mạnh càng (14) ..... về người và tài sản.

2 Nối mỗi nội dung ở cột A với một nội dung ở cột B cho phù hợp.

A	B
1. Nước chuyển từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là	a) hiện tượng nóng chảy
2. Nước chuyển từ thể lỏng sang thể khí được gọi là	b) hiện tượng bay hơi
3. Có thể bảo vệ bầu không khí trong lành bằng cách	c) cưa bớt cành cây to
4. Có thể phòng chống thiệt hại do bão gây ra bằng cách	d) trồng nhiều cây xanh

3 Hãy lấy ví dụ về việc con người đã vận dụng những tính chất của nước trong cuộc sống.

.....

.....

.....

.....

.....

4 Vì sao con người phải bảo vệ nguồn nước và bầu không khí trong lành?

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHỦ ĐỀ 2 NĂNG LƯỢNG

Bài 8 ÁNH SÁNG VÀ SỰ TRUYỀN ÁNH SÁNG

1 Chọn các vật phát sáng và các vật được chiếu sáng từ các vật: *Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng, đèn điện, đèn pin, đèn dầu* (các đèn đều đã thắp sáng), *ngọn nến, quyển sách, ngôi nhà, ô tô, cái bàn*. Viết vào bảng dưới đây.

Vật phát sáng	Vật được chiếu sáng
.....	.....
.....	.....

2 Hình dưới mô tả khung cảnh buổi sáng mùa hè, một người đang đứng bên đường chờ bạn.



a) Chỉ ra vật được chiếu sáng trong hình.

.....

b) Vì sao người đứng bên đường nhìn thấy ô tô?

.....

.....

.....

Vẽ vào hình các đường có mũi tên để biểu thị hướng ánh sáng truyền giúp mắt nhìn thấy ô tô.

c) Nêu các cách để người đó có thể nhìn thấy bóng đèn điện vào ban đêm.

.....

.....

.....

.....

3 a) Nêu cách làm để xác định được vật cho ánh sáng truyền qua hoặc không cho ánh sáng truyền qua.

.....

.....

.....

.....

b) Chọn 5 vật cho ánh sáng truyền qua và 5 vật không cho ánh sáng truyền qua. Viết vào bảng dưới đây.

Vật cho ánh sáng truyền qua	Vật không cho ánh sáng truyền qua
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

4 Nếu ánh sáng không truyền đi theo đường thẳng thì có tạo ra bóng của vật được không? Vì sao?

.....

.....

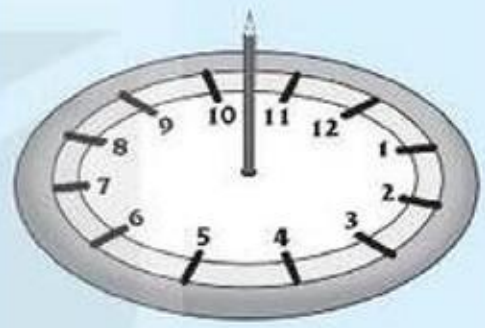
.....

5 Đồng hồ mặt trời sử dụng bóng của một vật dưới ánh sáng mặt trời tại các thời điểm khác nhau trong ngày để biết thời gian.

a) Dùng một chiếc bút chì, một đĩa giấy, đèn pin và bút dạ để tạo ra một đồng hồ mặt trời đơn giản như hình vẽ.

b) Mô tả cách hoạt động của đồng hồ đó.

c) Sử dụng đồng hồ mặt trời em tạo ra có những hạn chế nào so với đồng hồ nhà em đang sử dụng?



.....

.....

.....

.....

.....

6 Sử dụng các từ/cụm từ: *ánh sáng, đường thẳng, nhìn thấy, phía sau, phản chiếu*, để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).

Có vật phát ra (1) ..... Có những vật (2) ..... ánh sáng chiếu vào nó. Ánh sáng từ vật đến mắt giúp ta (3) ..... vật. Ánh sáng truyền trong không khí theo (4) ..... Khi được chiếu sáng thì (5) ..... của vật cản (6) ..... có bóng của vật đó.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 9 VAI TRÒ CỦA ÁNH SÁNG

1 Khoanh vào chữ cái trước phát biểu **sai**.

A. Ánh sáng mặt trời đem lại sự sống cho các loài cây.

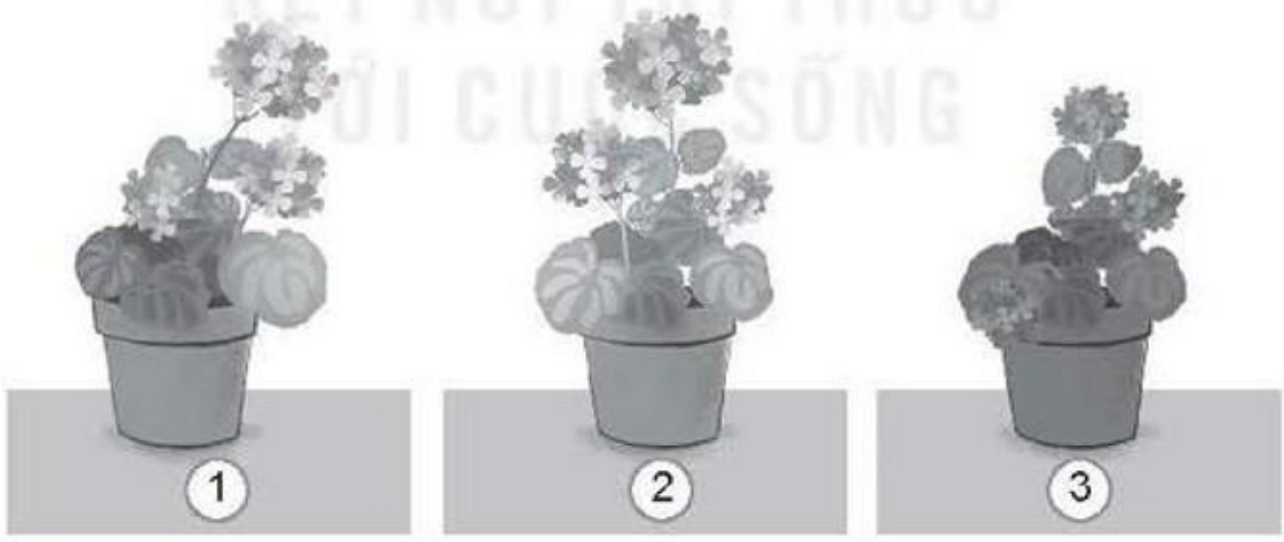
B. Thực vật sẽ mau chóng tàn lụi nếu thiếu ánh sáng.

C. Có thể dùng ánh sáng đèn điện để kích thích sự phát triển của cây trồng.

D. Ánh sáng càng mạnh càng làm cho cây xanh tốt.

2 Có ba cây hoa giống nhau được trồng trong chậu và chăm sóc như nhau nhưng đặt ở ba vị trí khác nhau. Sau một thời gian hình ảnh các cây hoa như hình vẽ dưới. Quan sát hình và lựa chọn cây đặt vào ô phù hợp.

Cây đặt trong nhà	Cây đặt gần cửa sổ có ánh sáng chiếu vào	Cây đặt ngoài sân
Cây số	Cây số	Cây số .....



3 Khoanh vào chữ cái trước ý **sai**. Các loài động vật cần ánh sáng để làm gì?

A. Nhìn thấy vật.

B. Tìm thức ăn.

C. Chạy trốn khi bị săn bắt.

D. Quang hợp.

4 Giải thích hiện tượng.

a) Vì sao khi Mặt Trời "xuống núi", đàn chim bay về tổ, gà con vội lên chuồng?

.....

.....

b) Vì sao loài khỉ không tìm thức ăn vào ban đêm?

.....

.....

c) Vì sao giữa trưa hè nắng gắt, các bác nông dân thường buộc trâu, bò dưới gốc cây to?

.....

.....

5 Khoanh vào chữ cái trước **ý sai**. Ánh sáng giúp con người

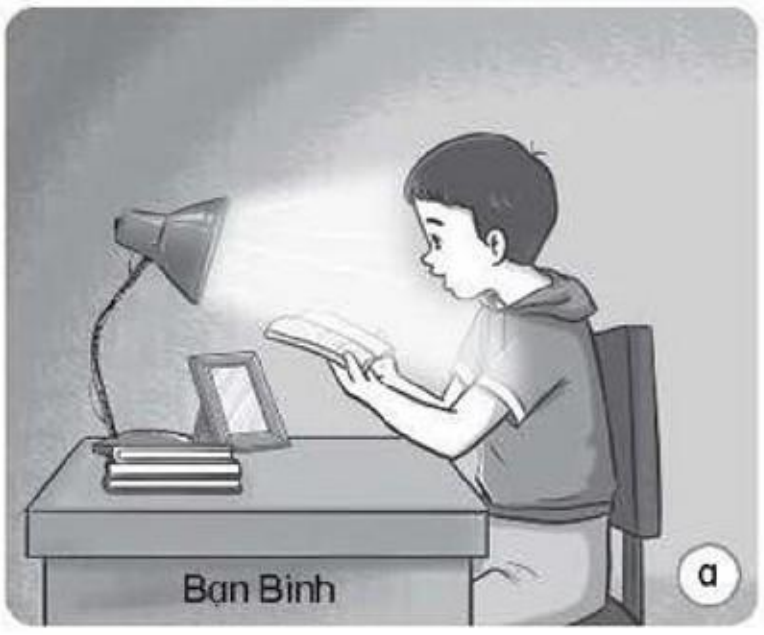
A. nhìn rõ mọi vật.

B. di chuyển.

C. có thức ăn.

D. nghe nhạc.

6 Em nên ngồi học theo tư thế của bạn nào ở hình dưới?





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG





7 Sử dụng các từ/cụm từ: *ánh sáng, hoạt động, quá gần, quá lâu, quá mạnh, sự sống* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).

Ánh sáng rất cần cho (1) ..... của con người, động vật, thực vật.

Hầu hết (2) ..... của động vật và con người đều cần (3) .....

Ánh sáng (4) ..... chiếu vào mắt có thể gây hại mắt. Không học, đọc sách ở nơi thiếu (5) ..... hoặc nơi ánh sáng (6) .....

Không nhìn (7) ..... hoặc (8) ..... vào màn hình điện thoại, máy tính, ti vi để bảo vệ mắt.

8 Tìm kiếm thông tin từ sách, báo, in-tơ-nét hoặc sưu tầm tranh ảnh để viết một bài giới thiệu về "Ánh sáng với cuộc sống".

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 10 ÂM THANH VÀ SỰ TRUYỀN ÂM THANH

1 Khoanh vào chữ cái trước phát biểu đúng.

A. Âm thanh càng truyền đi xa càng to lên.

B. Âm thanh truyền qua chất khí tốt nhất.

C. Âm thanh truyền qua chất rắn kém hơn truyền qua chất lỏng.

D. Các vật phát ra âm thanh đều rung động.

2 Hình ảnh dưới mô tả thí nghiệm bạn Minh đã thực hiện để tìm hiểu âm thanh truyền đi như thế nào.



Ngồi nghe nhạc *Áp túi nước vào tai* *Áp miếng gỗ vào tai*

a) Bạn Minh có nghe được tiếng nhạc trong các trường hợp trên không? Vì sao?

.....

.....

b) Tiếng nhạc đã truyền qua những chất nào đến tai bạn Minh?

.....

.....

c) Bạn Minh đi ra xa bàn thì nghe được tiếng nhạc càng to hơn hay nhỏ đi? Vì sao?

.....

3 Vì sao khi nói thầm với bạn, em nói nhỏ bạn vẫn nghe thấy còn khi gọi bạn ở xa em cần nói to?

.....

.....

4 Các bạn thảo luận để lựa chọn các vật làm "Điện thoại dây" (hình dưới).

– Bạn Minh chọn hai vỏ lon bằng thiếc và dây thép dài 150 cm.

– Bạn Bình chọn hai hộp bằng bìa và dây nhựa dài 150 cm.

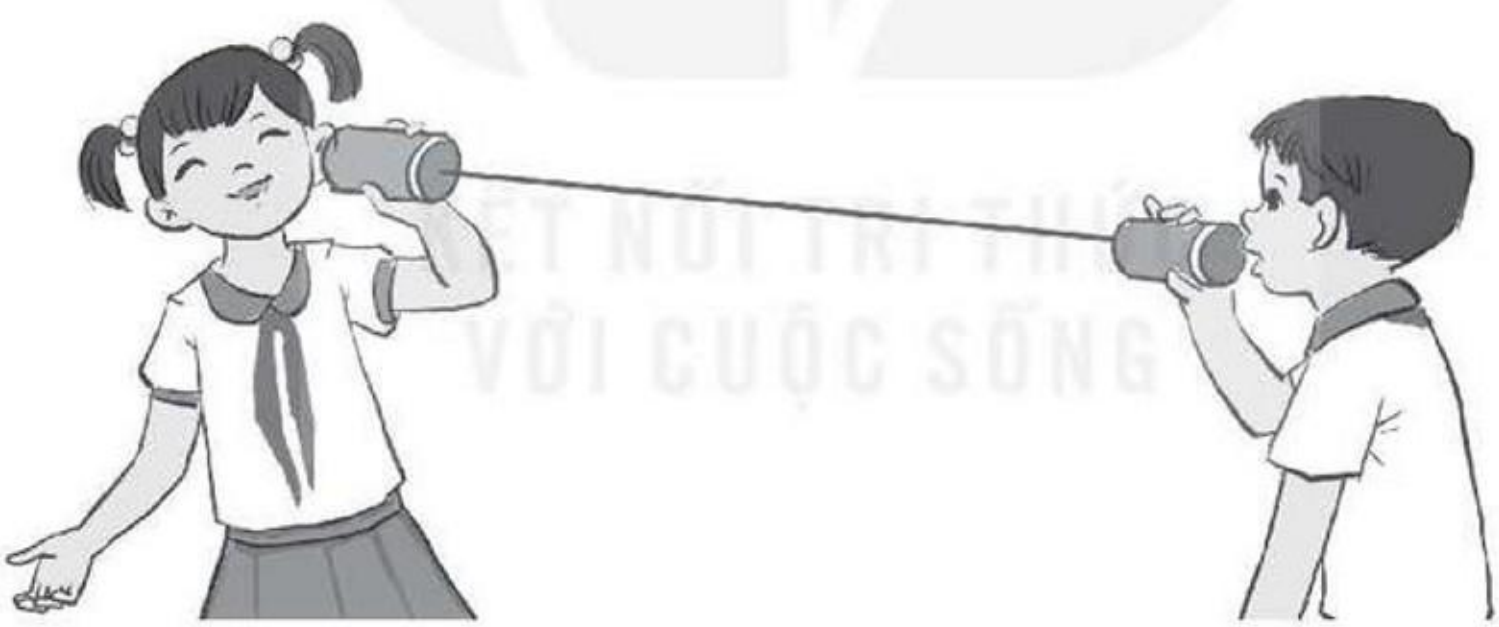
– Bạn Hoa chọn giống bạn Minh nhưng dây thép dài 100 cm.

Cách chọn dụng cụ của bạn nào sẽ làm được điện thoại dây nghe rõ hơn? Vì sao?

.....

.....

.....



5 Sử dụng các từ/cụm từ: *âm thanh, chất rắn, chất lỏng, chất khí, ở xa, rung động* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp.

Các vật phát ra âm thanh đều (1) ..... Âm thanh có thể truyền qua (2) ....., ..., ... Khi ở gần nguồn âm sẽ nghe thấy (3) ..... to hơn khi ..... nguồn âm.

Bài 11 ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG

1 Khoanh vào chữ cái trước phát biểu **sai**.

A. Nhờ có âm thanh, con người có thể nói chuyện với nhau, thưởng thức âm nhạc.

B. Nhờ có âm thanh, con người có thể truyền tin, báo hiệu những nguy hiểm cần tránh.

C. Âm thanh giúp con người vui vẻ, khoẻ mạnh hơn.

D. Âm thanh phát ra không đúng lúc hay phát ra quá lớn gây hại cho sức khoẻ con người.

2 Quan sát hình dưới và nêu những điểm giống nhau về cấu tạo, cách làm các nhạc cụ phát ra âm thanh.



(a) Đàn tranh



(b) Đàn vi-ô-lông

(c) Đàn tính

.....

.....

3 Quan sát hình bên và trả lời các câu hỏi.

a) Cách làm phát ra âm thanh của loại nhạc cụ giống nhạc cụ nào mà em biết? .....

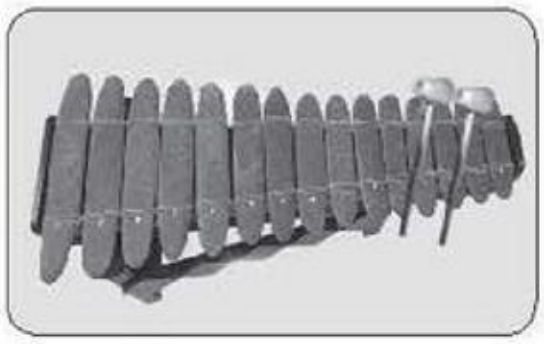
.....

b) Khi phát ra âm thanh, bộ phận nào của loại nhạc cụ gõ rung động?

.....



a) Cồng



b) Đàn đá



c) Đàn t'rưng

4 Khi phát ra âm thanh, bộ phận nào của nhạc cụ hơi rung động? Nêu tên hai nhạc cụ hơi.

.....

.....

5 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ Không gây tiếng ồn ở nơi công cộng.

☐ Tiếng ồn không ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.

☐ Khi khoan, cắt bê tông, người công nhân thường đeo cái bịt tai để giảm tiếng ồn.

☐ Mở ti vi rất to lúc đêm khuya.

☐ Tiếng ồn cũng ảnh hưởng đến đời sống các con vật.

6 Sử dụng các từ/cụm từ: *âm thanh, báo hiệu, giảm, ích lợi, năng suất, nói chuyện, cách âm, nghe được, ô nhiễm, sức khoẻ, tiếng ồn* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp.

Âm thanh mang lại nhiều (1) ..... cho cuộc sống của con người. Nhờ có (2) ....., chúng ta có thể (3) ..... được với nhau; (4) ..... những bài hát, bản nhạc; học tập; truyền tin; (5) ..... những nguy hiểm cần tránh.

Tiếng ồn ảnh hưởng đến (6) ..... và (7) ..... làm việc của con người. Một số biện pháp chống (8)..... tiếng ồn như: không gây (9)..... ở nơi công cộng; sử dụng các vật (10)..... làm (11)..... tiếng ồn truyền đến tai.

Bài 12 NHIỆT ĐỘ VÀ SỰ TRUYỀN NHIỆT

1 Thả một vài viên nước đá vào cốc nước chanh.

a) Vật nào lạnh hơn? Vật nào có nhiệt độ cao hơn?

.....

b) Sau ít phút, vật nào lạnh đi? Vật nào giảm nhiệt độ?

.....

c) Vật nào truyền nhiệt, vật nào nhận nhiệt? Vì sao?

.....

.....

2 Em bị ốm, mẹ cặp nhiệt độ cho em và đọc 39 °C, mẹ cho em uống thuốc hạ sốt. Một giờ sau, em cặp lại nhiệt độ, thấy nhiệt kế chỉ 37 °C.

a) Nhiệt độ của cơ thể em tăng lên hay giảm đi sau khi uống thuốc?

.....

.....

b) Cần sử dụng nhiệt kế như thế nào để đo được chính xác nhiệt độ cơ thể em?

.....

.....

.....

3 Giải thích hiện tượng.

a) Vì sao cầm một vật lấy ra từ tủ lạnh, tay ta cảm thấy mát lạnh?

.....

.....

b) Vì sao vào buổi trưa hè nắng nóng, ta không nên đi chân trần trên đường bê tông hoặc trên bãi cát?

.....

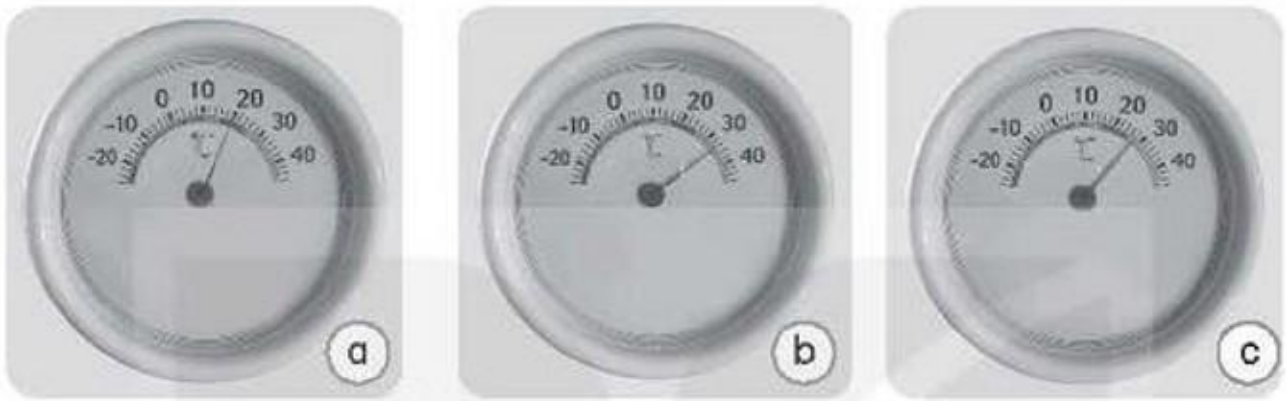
.....

c) Vì sao những ngày hè nắng gắt, nước sông thường nóng hơn những ngày đông?

.....

.....

4 Hình dưới cho biết kết quả đo nhiệt độ trong nhà ở ba địa điểm khác nhau. Đọc nhiệt độ và cho biết nơi nào lạnh nhất, nơi nào nóng nhất?



Thành phố Đà Lạt | Thành phố Hồ Chí Minh | Thủ đô Hà Nội

.....

.....

5 Khi chạm vào cốc nước nóng, tay em cảm thấy nóng vì

A. tay em đã truyền nhiệt cho cốc nước.

B. nước truyền nhiệt cho tay em.

C. nhiệt độ của cốc nước nóng cao hơn nhiệt độ tay em.

D. nước nóng truyền nhiệt cho cốc, cốc truyền nhiệt cho tay em.

6 Sử dụng các từ/cụm từ: *lạnh, nhiệt độ, nóng, thấp, toả nhiệt, thu nhiệt,* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp.

Vật nóng hơn thì có (1) ..... cao hơn, vật lạnh hơn thì có nhiệt độ (2) ..... hơn. Nhiệt kế là dụng cụ để đo (3) ..... Nhiệt truyền từ vật (4) ..... hơn sang vật (5) ..... hơn. Khi đó vật có (6) ..... cao hơn (7) ..... nên lạnh đi, vật có nhiệt độ thấp hơn (8) ..... nên nóng lên.

Bài 13 VẬT DẪN NHIỆT TỐT, VẬT DẪN NHIỆT KÉM

1 Kể tên 5 vật dẫn nhiệt tốt và 5 vật dẫn nhiệt kém và viết vào bảng dưới đây.

Vật dẫn nhiệt tốt	Vật dẫn nhiệt kém
.....	.....
.....	.....

2 Minh cùng mẹ đi mua sắm dụng cụ nhà bếp. Mẹ nhắc Minh, con đừng quên chọn "miếng lót tay" nhé.

a) Vì sao khi mua sắm các dụng cụ nhà bếp không thể quên "miếng lót tay"?

.....

b) "Miếng lót tay" làm từ vật dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém?

.....

c) Em có thể tự làm "miếng lót tay" được không, nếu làm được hãy giới thiệu cách làm.

.....

.....

3 Giải thích hiện tượng.

a) Vì sao khi "đắp chăn" mới còn xốp ta thấy ấm hơn chăn cũ đã bị xẹp? Vì sao mới "đắp chăn" em chưa thấy ấm, một lúc sau thấy ấm?

.....

.....

b) Lớp lông bờm của con lạc đà có tác dụng gì?

.....

.....

.....

c) Vì sao người ta dùng nhôm để làm các dụng cụ nấu ăn?

.....

.....

.....

4 Khi nấu thức ăn bằng củi thì cần dùng "que cời bếp". Có một que bằng sắt, một que bằng tre, một que bằng sắt cắm vào cán gỗ. Em sẽ chọn que nào? Vì sao?

.....

.....

.....

5 Em và các bạn trong nhóm tham gia "Hoạt động trải nghiệm" muốn mang kem để ăn lúc nghỉ. Cả lớp thảo luận về cách mang kem để kem không bị chảy. Hãy cho biết ý kiến của em.

.....

.....

.....

.....

.....

6 Sử dụng các từ/cụm từ: *dẫn nhiệt, không khí, len, vàng, kim loại* để điền vào chỗ (...) trong các câu sau cho phù hợp (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).

Có những vật (1) ..... tốt. Có những vật (2) ..... kém. Các (3) ..... như: bạc, đồng, (4) ....., nhôm, sắt,... dẫn nhiệt tốt. Gỗ, nhựa, (5) ....., bông, (6)....., xốp, bông thuỷ tinh,... dẫn nhiệt kém. Tính (7) ..... của vật có nhiều ứng dụng trong cuộc sống.

7 Tìm hiểu thí nghiệm hình dưới và lựa chọn các từ/cụm từ: *cốc nước, dẫn nhiệt, lạnh hơn, nước đá, thìa kim loại, thìa nhựa* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo thí nghiệm theo mẫu dưới đây.



BÁO CÁO THÍ NGHIỆM

1. Mục đích: Tìm hiểu xem thìa kim loại và thìa nhựa, thìa nào (1) ..... tốt hơn.

2. Chuẩn bị: Cốc nước, một số viên nước đá, (2) ..... và (3) .....

3. Tiến hành:

– Cho một ít viên (4) ..... vào (5) .....

– Cắm (6) ..... và (7) ..... đồng thời vào cốc nước có đá.

– Sau khoảng 3 phút, cầm vào hai cán thìa.

– Kết quả: Khi cầm vào cán thìa kim loại, tay cảm thấy (8) ..... khi cầm vào cán thìa nhựa.

4. Nhận xét: Từ kết quả thí nghiệm, nhận thấy thìa kim loại (9) ..... tốt hơn (10) .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 14 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NĂNG LƯỢNG

1 Nối mỗi nội dung ở cột A với một nội dung ở cột B cho phù hợp.

A	B
1. Ánh sáng	a) là dụng cụ đo nhiệt độ.
2. Âm thanh	b) giúp con người nhìn rõ mọi vật, nhận biết hình ảnh, màu sắc.
3. Nhiệt kế	c) là vật được chiếu sáng.
4. Mặt Trăng	d) giúp con người giao tiếp, thưởng thức âm nhạc.

2 Chọn trong số các vật: *tấm nhôm, tấm nhựa, cửa kính trắng, mắt kính cận, cây cổ thụ* và phân loại theo nhóm. Viết vào bảng dưới đây.

Vật cho ánh sáng truyền qua	Vật cản ánh sáng	Vật dẫn nhiệt tốt	Vật dẫn nhiệt kém	Vật có thể phát ra âm thanh
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....

3 Viết vào ☐ chữ Đ trước câu **đúng**, chữ S trước câu **sai**.

☐ Ánh sáng giúp cây trồng xanh tốt.

☐ Con người cần ánh sáng để lao động và học tập.

☐ Nghe nhạc bằng tai nghe trong thời gian dài không có hại cho sức khoẻ.

☐ Ánh sáng mặt trời giúp phơi khô thóc.

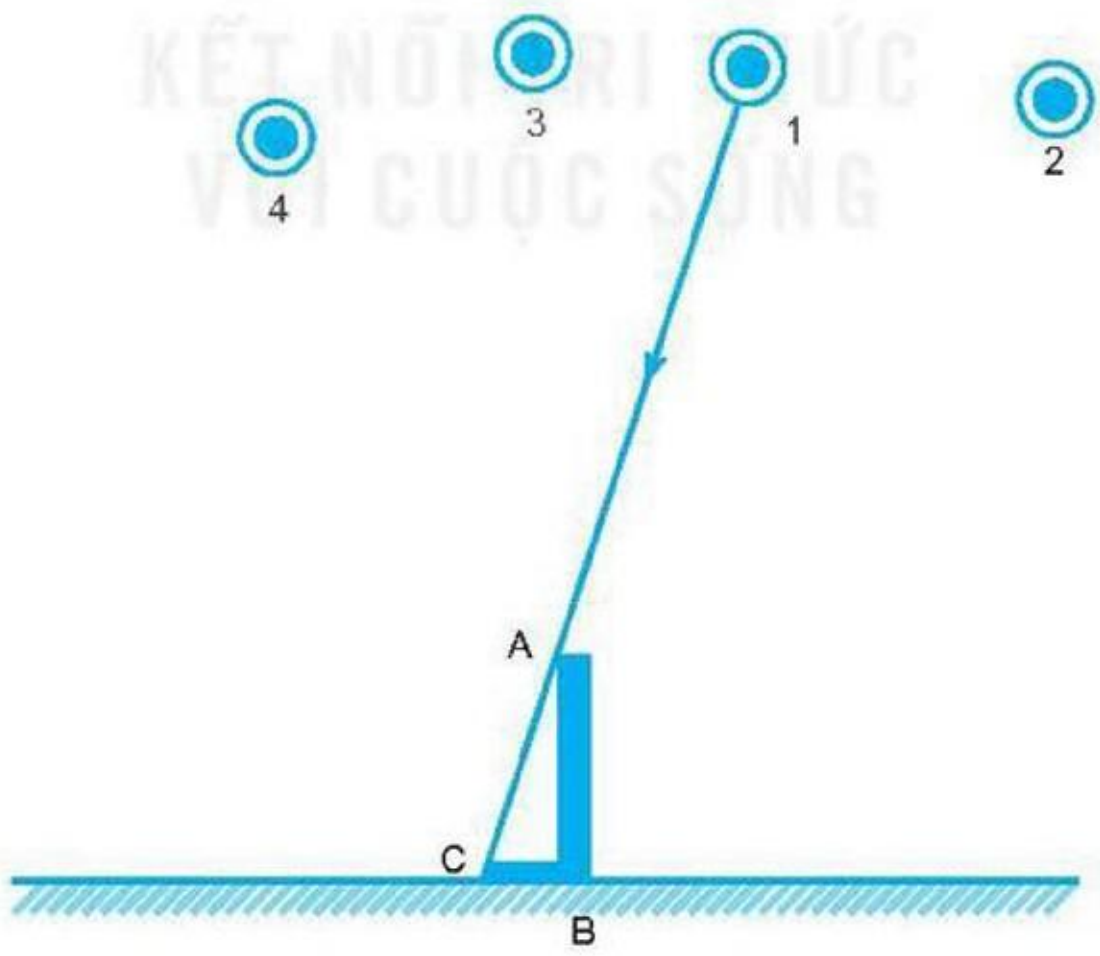
☐ Không nên xây dựng nhà máy ở gần trường học.

☐ Dùng rơm rạ che phủ gốc cây trong những ngày giá rét.

4 Khi Mặt Trời ở vị trí 1 thì bóng của cọc AB là đoạn CB như hình dưới.

a) Vẽ bóng của cọc AB khi Mặt Trời ở các vị trí 2, 3, 4.

b) Nếu thay vào vị trí cọc AB bằng cọc MN dài hơn thì chiều dài bóng của cọc MN ngắn hơn hay dài hơn bóng của cọc AB.



CHỦ ĐỀ 3 THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Bài 15 THỰC VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?

Khoanh vào chữ cái trước phương án trả lời đúng cho các câu từ 1 đến 3.

1 Bố trí thí nghiệm như thế nào với các chậu cây để chứng tỏ thực vật cần ánh sáng?

A. Trồng cây trong đất và trong cát sỏi.

B. Cây không tưới nước và cây tưới nước.

C. Bôi lớp keo mỏng trong suốt lên hai mặt lá và cây không bôi.

D. Cây che kín bằng hộp đen và cây không che, đặt ngoài sáng.

2 Các yếu tố nào dưới đây tham gia vào quá trình quang hợp để tổng hợp chất dinh dưỡng ở lá cây?

A. Khí ni-tơ, chất khoáng, nhiệt độ.

B. Ánh sáng mặt trời, nước, khí ô-xi.

C. Ánh sáng mặt trời, chất khoáng, khí các-bô-níc.

D. Nước, khí ô-xi, thức ăn.

3 Thực vật hấp thụ khí ô-xi và thải ra khí các-bô-níc khi thực hiện quá trình sống nào sau đây?

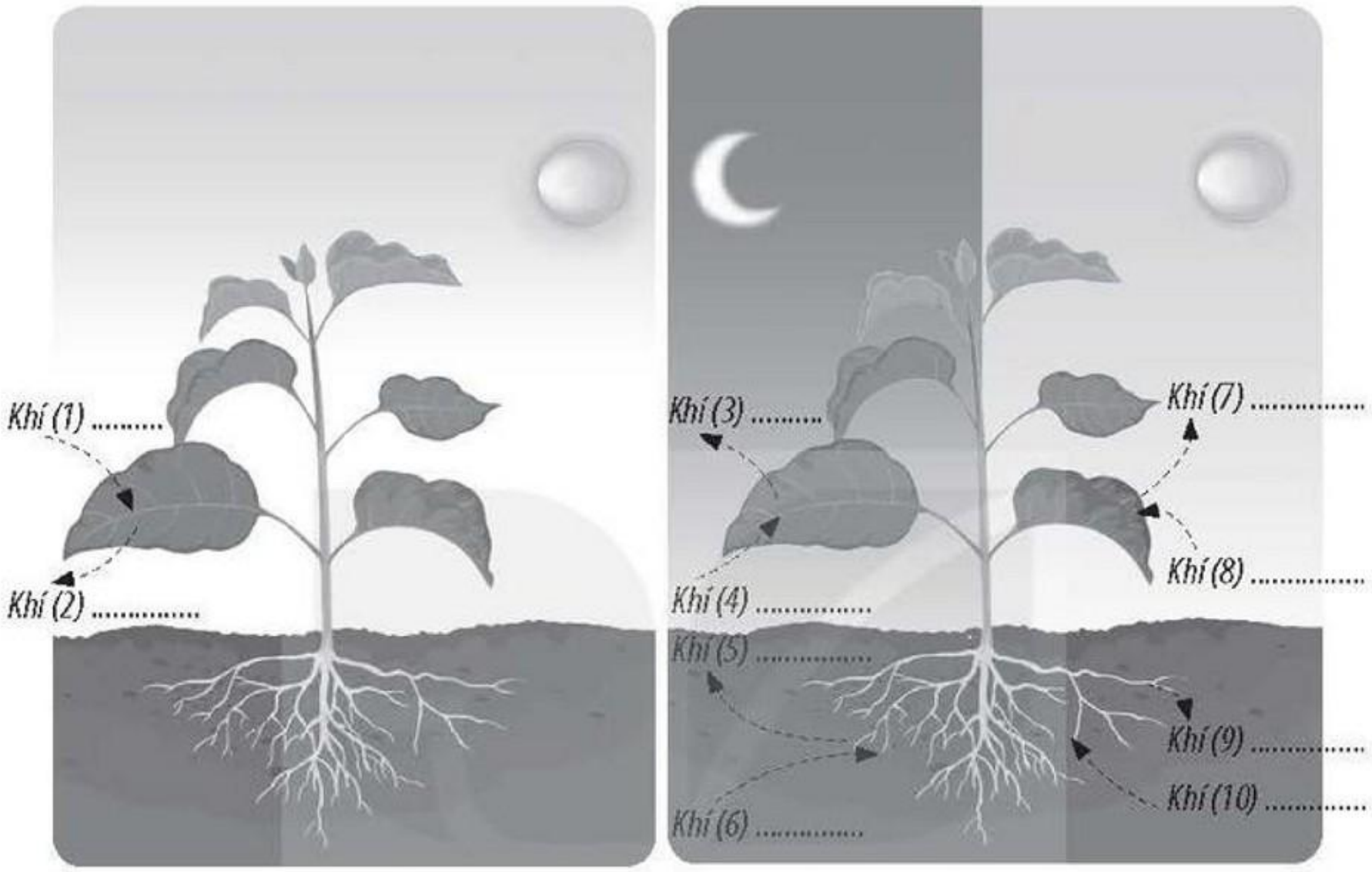
A. Quang hợp.

B. Hô hấp.

C. Thoát hơi nước.

D. Hút nước.

4 Hãy điền vào chỗ (...) trên hình để hoàn thiện sơ đồ mô tả sự trao đổi khí của thực vật với môi trường khi quang hợp và khi hô hấp.



Thực vật trao đổi khí với môi trường khi quang hợp

Thực vật trao đổi khí với môi trường khi hô hấp

5 Các phát biểu dưới đây đúng hoặc sai khi nói về sự trao đổi khí của thực vật với môi trường. Viết đúng hoặc sai vào chỗ (...) và giải thích cho sự lựa chọn đó.

a) Thực vật chỉ thải ra môi trường khí ô-xi khi có ánh sáng để tiến hành quang hợp.

.....

.....

.....

.....

b) Thực vật thường xuyên thu nhận khí ô-xi và thải ra khí các-bô-níc khi hô hấp.

.....

.....

c) Khi có ánh sáng, cây không thu nhận ô-xi mà thải ra ô-xi.

.....

.....

6 Điền từ thích hợp vào chỗ (...) cho đoạn thông tin mô tả về sự trao đổi khí của thực vật với môi trường.

Thực vật trao đổi khí với môi trường để thực hiện quá trình (1)..... ..... và hô hấp. Quang hợp diễn ra chủ yếu ở (2)..... và cần có ánh sáng. (3)..... diễn ra suốt ngày đêm và ở tất cả các bộ phận rễ, thân, lá,...

7 Hãy so sánh lượng khí ô-xi và khí các-bô-níc trong nhà kính kín trồng cây vào buổi trưa và buổi tối.

.....

.....

.....

8 Nối tên cơ quan chính của thực vật ở cột A với chức năng đảm nhận hoặc quá trình thực hiện ở cột B cho phù hợp (*Mỗi cơ quan có thể chọn nhiều quá trình hoặc chức năng đảm nhận*).

A	B
Cơ quan	Chức năng đảm nhận/Quá trình thực hiện
1. Rễ	a) Thoát hơi nước
2. Thân	b) Quang hợp
3. Lá	c) Vận chuyển nước và chất khoáng
	d) Hút nước

9 Bạn Hà đang viết báo cáo về thí nghiệm tìm hiểu ảnh hưởng của nước và chất khoáng đến sự sống và phát triển của cây. Hãy sử dụng các từ/cụm từ: *nước, tưới nước, kích thước, chất khoáng, xanh tốt, khô héo, còi cọc* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo cùng bạn Hà (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).

BÁO CÁO THÍ NGHIỆM ẢNH HƯỞNG CỦA NƯỚC VÀ CHẤT KHOÁNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY

Mục đích:

Tìm hiểu ảnh hưởng của nước và chất khoáng đến sự sống và phát triển của cây.

Chuẩn bị:

Ba cây con giống nhau về (1)....., phát triển tốt.

– Cây 1 và 2 trồng trong chậu đất chứa (2).....

– Cây 3 trồng trong chậu cát sỏi rửa sạch thiếu (3).....

Tiến hành:

Đặt các chậu cây nơi có ánh sáng: Chậu 1 và 3 tưới nước thường xuyên; chậu 2 không (4)..... Theo dõi cây phát triển trong 2 tuần.

Kết quả:

– Cây chậu 1: Cây (5)....., ra hai cặp lá mới.

– Cây chậu 2: Cây (6)..... và chết.

– Cây chậu 3: Cây (7)....., lá hơi vàng, ra một cặp lá mới.

Kết luận, giải thích:

– (8)..... cần cho sự sống và phát triển của cây. Cây thiếu nước lâu ngày sẽ chết.

– Chất khoáng cần cho sự sống và phát triển của cây. Trong điều kiện thiếu (9)..... cây phát triển chậm, còi cọc.

Bài 16 ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?

Khoanh vào chữ cái trước phương án trả lời đúng cho các câu từ 1 đến 3.

1 Động vật cần lấy những gì từ môi trường để sống và phát triển?

A. Khí các-bô-níc, nước.

B. Khí ô-xi, nước, thức ăn.

C. Khí các-bô-níc, các chất khoáng, nước.

D. Khí ô-xi, nước, các chất khoáng.

2 Khi trời chuyển rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc có hàng loạt trâu, bò chăn thả bị chết. Nguyên nhân chính là

A. thiếu thức ăn.

B. thiếu nước uống.

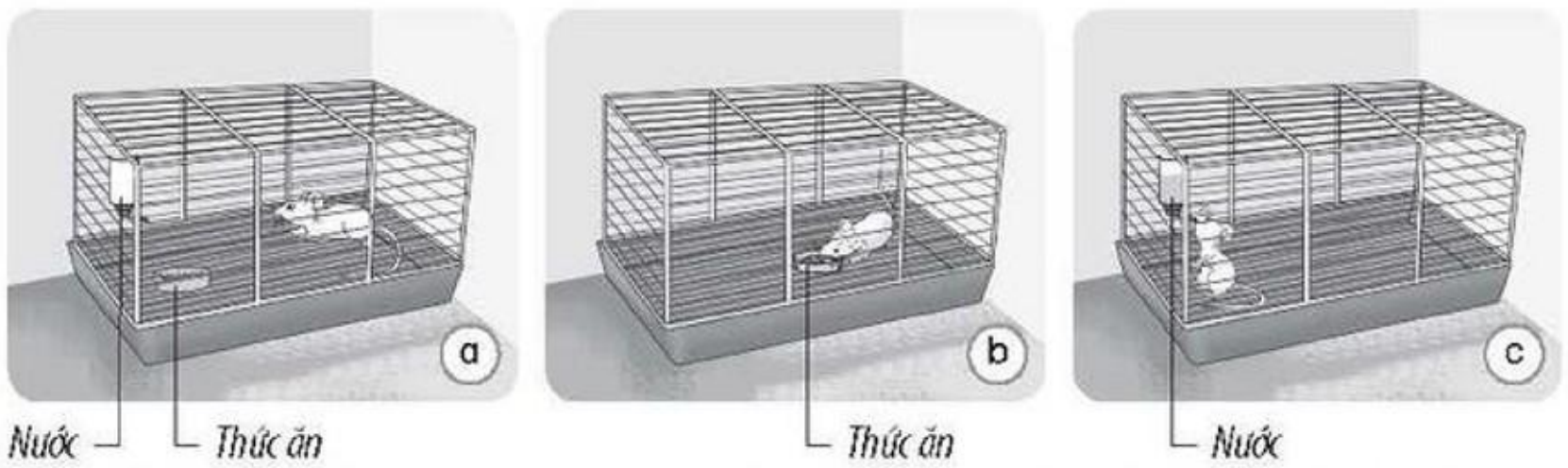
C. nhiệt độ không thích hợp.

D. thiếu không khí.

3 Con vật nào sau đây ăn thức ăn từ thực vật là chính?

A. Hổ. B. Vịt. C. Cá sấu. D. Bò.

4 Trong bài tập này, em sẽ ôn tập về các yếu tố cần cho sự sống và phát triển của động vật.



a) Nếu nuôi chuột trong các điều kiện ở hình trên trong hai tuần thì điều kiện nào chuột có thể sống và phát triển khoẻ mạnh? Điều kiện nào ảnh hưởng đến sự sống và phát triển của chuột? Giải thích.

.....

.....

.....

b) Nếu thay chuồng nuôi chuột trên bằng chuồng thuỷ tinh kín thì chuột còn sống và phát triển không? Giải thích.

.....

.....

c) Bạn An cho rằng có thể nuôi chuột trong chuồng thuỷ tinh kín và đặt vào đó một cây xanh tốt. Theo em ý kiến của bạn An đúng hay sai? Giải thích.

.....

.....

5 Điền từ thích hợp vào chỗ (...) để hoàn thành các câu sau:

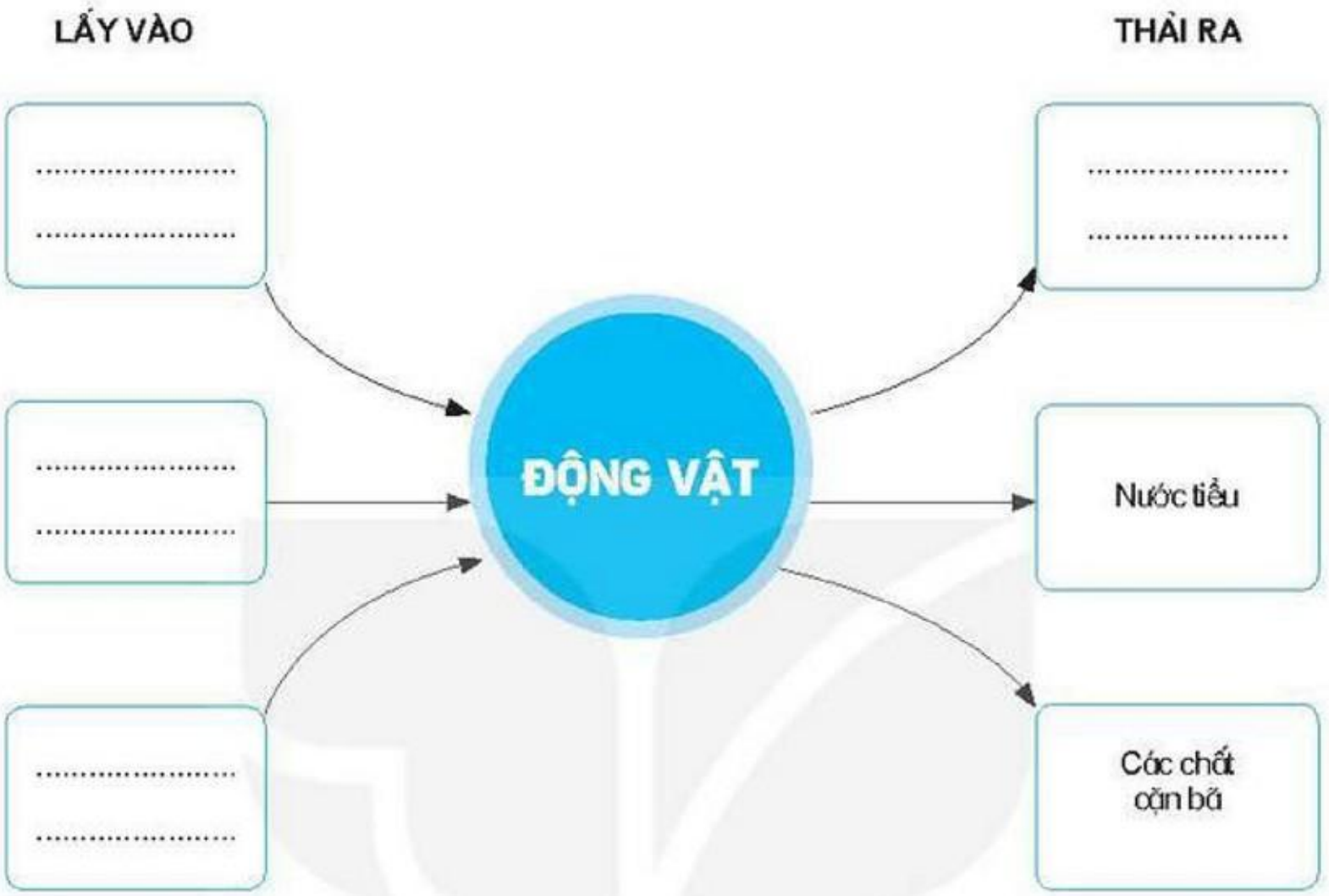
– Trong quá trình sống, động vật cần thường xuyên thu nhận khí (1)..... và thải khí (2).....

– Động vật cần sử dụng thức ăn chủ yếu từ thực vật hoặc động vật khác để tổng hợp (3)..... cho cơ thể.

6 Chọn các ví dụ ở cột A ghép với các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự sống và phát triển của động vật ở cột B cho phù hợp.

A Ví dụ	B Yếu tố
1. Nước chiếm khoảng 70% khối lượng cơ thể động vật. Nếu mất 10 - 20% nước trong cơ thể động vật sẽ chết.	a) Nhiệt độ
2. Các chuồng nuôi động vật cần thoáng khí, có ô trống.	b) Ánh sáng
3. Nhiều con vật hoạt động, kiếm ăn vào ban ngày, nghỉ ngơi vào ban đêm.	c) Nước
4. Vào mùa đông, nhiều loài chim di cư về những nơi ấm áp hơn và quay trở về vào mùa xuân.	d) Không khí

7 Hoàn thiện sơ đồ thể hiện sự trao đổi nước, không khí, thức ăn của động vật với môi trường.



8 Sử dụng các từ/cụm từ: *thức ăn, chất dinh dưỡng, nhu cầu, động vật, thực vật* điền vào chỗ (...) để hoàn thành đoạn thông tin nói về thức ăn đối với động vật (Mỗi từ/cụm từ có thể sử dụng nhiều lần).

Động vật phải lấy (1)..... từ (2)....., động vật khác tổng hợp thành (3)..... để sống và phát triển do không có khả năng tự tổng hợp (4)..... như thực vật. Các loại động vật khác nhau có (5)..... về thức ăn khác nhau. Có động vật chỉ ăn thực vật hoặc chỉ ăn (6)....., có (7)..... ăn cả thực vật và động vật.

Bài 17 CHĂM SÓC CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI

Khoanh vào chữ cái trước phương án trả lời đúng cho các câu từ 1 đến 3.

1 Cây nào sau đây là cây thích hợp phát triển ở nơi bóng râm?

A. Cây hoa giấy.
B. Cây xương rồng.
C. Cây hoa lan.
D. Cây hoa sen.

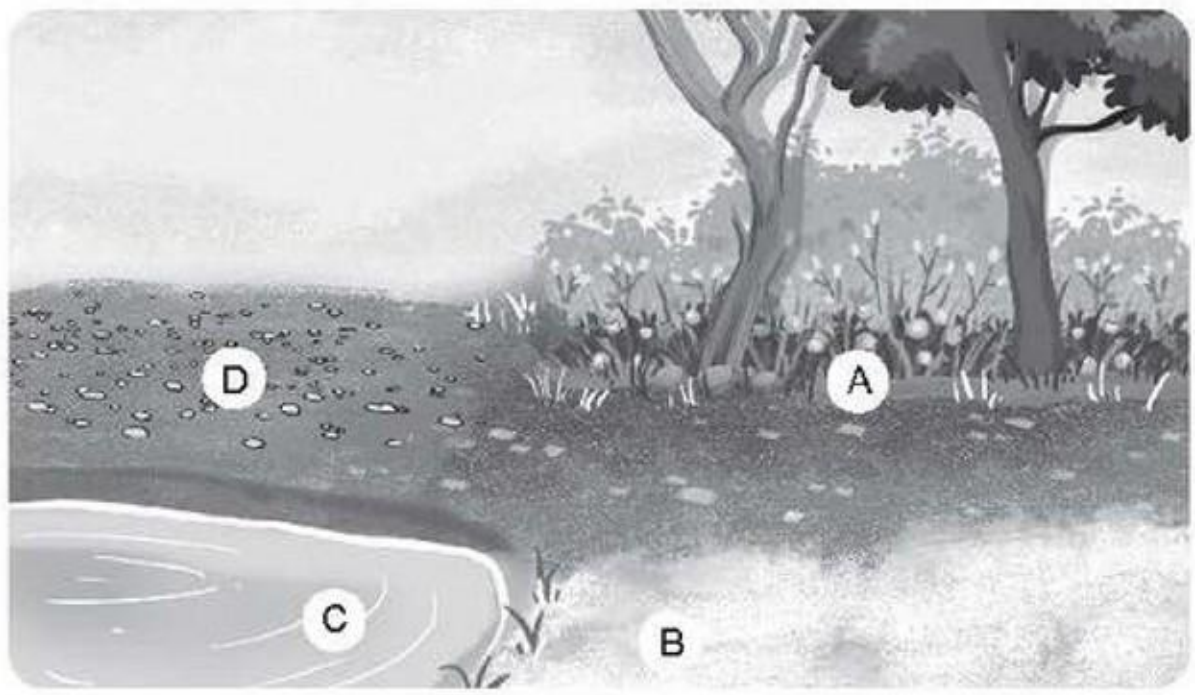
2 Con vật nào sau đây có thể sống được ở sa mạc, nơi có nhiệt độ cao, thiếu nước và thức ăn?

A. Con vịt.
B. Con bò.
C. Con chim cánh cụt.
D. Con lạc đà.

3 Biện pháp nào sau đây phù hợp để chăm sóc vật nuôi (chó, mèo, lợn, bò) khi trời rét?

A. Giảm lượng thức ăn.
B. Che chắn chuồng trại.
C. Tăng cường nước uống.
D. Tắm vệ sinh thường xuyên hơn.

4 Gia đình em có một góc vườn nhỏ như hình dưới. Gia đình muốn trồng thêm một số cây ở các khu vực khác nhau trong vườn (đánh dấu A, B, C, D).



a) Hãy lựa chọn vị trí trồng (từ A đến D) phù hợp cho các cây dự định trồng gồm: (1) cây xương rồng; (2) cây hoa sen; (3) cây hoa giấy; (4) cây lá lốt. Biết rằng cây lá lốt là cây ưa bóng râm. Giải thích về sự lựa chọn của em.

.....

.....

b) Theo em hoạt động chăm sóc các cây trên có giống nhau không? Giải thích.

.....

.....

.....

5 Hãy giải thích ích lợi của những việc làm sau đối với cây trồng.

a) Tăng cường tưới nước vào chiều tối cho cây trồng vào những ngày nắng nóng.

.....

.....

b) Trồng cây đảm bảo khoảng cách, không quá dày.

.....

.....

c) Bón phân cho cây trồng.

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

6 Nối công việc chăm sóc vật nuôi ở cột B phù hợp với từng trường hợp cụ thể ở cột A.

A Trường hợp	B Công việc thực hiện
1. Khi thời tiết nắng nóng	a) cho vật nuôi uống nước, ăn đầy đủ
2. Khi thời tiết lạnh giá	b) cho vật nuôi uống đủ nước, tắm mát, đảm bảo thoáng khí.
3. Khi hạn hán, thiếu thức ăn	c) cho vật nuôi ăn no, không chăn thả, che chắn chuồng trại tránh gió lùa.

7 Sử dụng các từ/cụm từ: *nhu cầu, ít nước, đất ẩm, nhiều nước, đầm ao, ngập nước* điền vào chỗ (...) để hoàn thành đoạn thông tin nói về nhu cầu nước của một số cây trồng.

Nhu cầu nước của các loại cây không giống nhau, có cây cần ít nước, cây cần (1) ..... Xương rồng là loại cây cần (2) ....., thích hợp trồng ở đất khô ráo. Chuối, khoai môn cần nhiều nước hơn, phát triển tốt ở nơi (3) ..... Lúa có nhu cầu nước cao nên để ruộng (4) ..... Hoa sen, hoa súng thích nghi ở môi trường nước, sống trong các (5) ..... Vì vậy, trong quá trình chăm sóc cây trồng cần căn cứ vào (6)..... của từng loại cây để chăm sóc hợp lí.

Bài 18 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Khoanh vào chữ cái trước phương án trả lời đúng đối với câu 1 và **không** đúng đối với câu 2.

1 Sự trao đổi khí với môi trường ở thực vật khác với động vật là

A. động vật thu nhận khí ô-xi, thực vật không thu nhận khí ô-xi.

B. động vật thải ra khí các-bô-níc, thực vật không thải ra khí các-bô-níc.

C. thực vật có quá trình quang hợp có khả năng thu nhận khí các-bô-níc, thải khí ô-xi, động vật không có quá trình quang hợp.

D. động vật có quá trình hô hấp thu nhận khí ô-xi, thải ra khí các-bô-níc, thực vật không có quá trình hô hấp.

2 Phát biểu nào sau **không** đúng khi nói về khả năng tổng hợp chất dinh dưỡng ở thực vật và động vật?

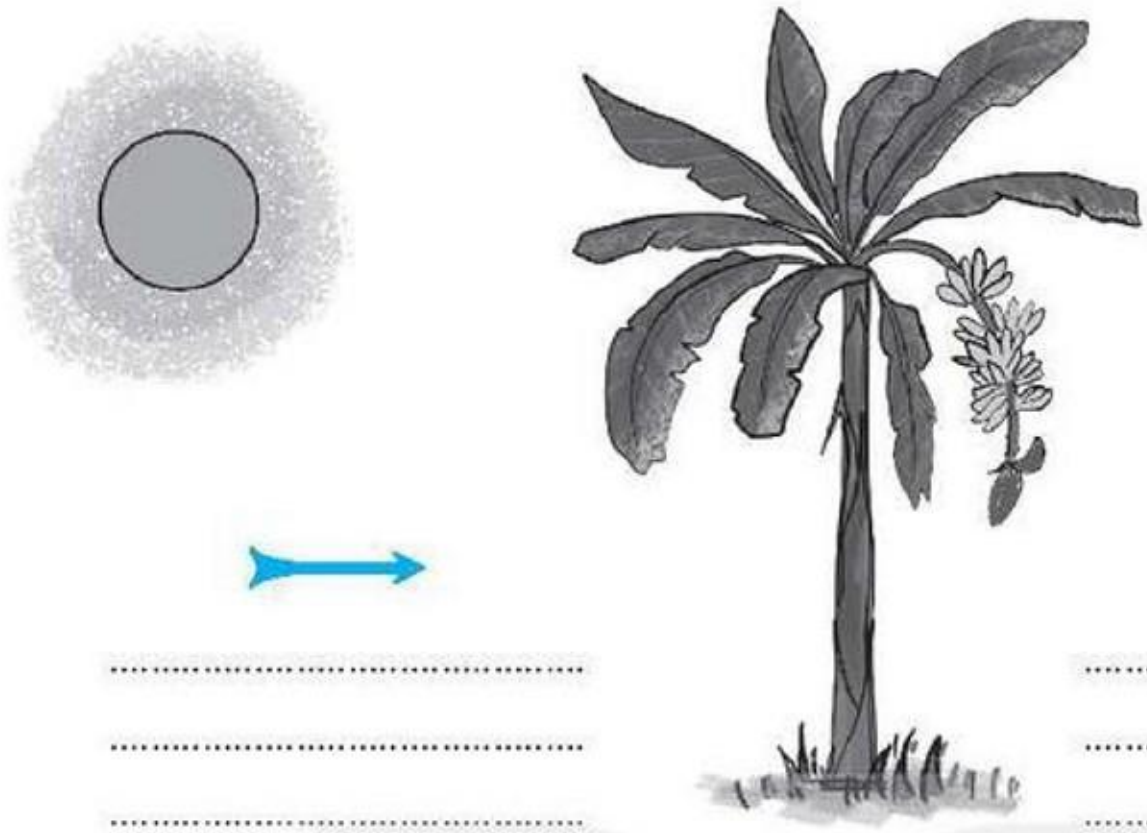
A. Động vật phải lấy thức ăn từ thực vật, động vật khác tổng hợp thành chất dinh dưỡng để sống và phát triển.

B. Dưới ánh sáng mặt trời, thực vật và động vật có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng từ khí các-bô-níc, nước.

C. Dưới ánh sáng mặt trời, lá cây có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng từ khí các-bô-níc, nước.

D. Động vật không có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng từ khí các-bô-níc, nước như thực vật.

3 Hoàn thành sơ đồ dưới đây về sự trao đổi một số chất với môi trường của thực vật khi có ánh sáng mặt trời.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Khi che cây bằng túi nhựa trong suốt (hình bên), sau một thời gian người ta quan sát thấy có những giọt nước đọng trong túi. Giải thích vì sao.



.....

.....

.....

.....

5 Điền từ thích hợp vào chỗ (...) trong đoạn thông tin dưới đây nói về một số điểm khác nhau của thực vật so với động vật khi trao đổi chất với môi trường.

Thực vật có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng từ khí (1)..... và nước, thải ra khí (2)..... nhờ quá trình (3)..... Động vật không có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng như thực vật nên phải lấy (4)..... từ môi trường. Có động vật ăn thực vật, có động vật ăn (5)....., có động vật ăn cả thực vật và động vật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHỦ ĐỀ 4 NẤM

Bài 19 ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NẤM

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.

☐ a) Các loại nấm chỉ có hình dạng thân dài, một đầu phình to là mũ nấm.

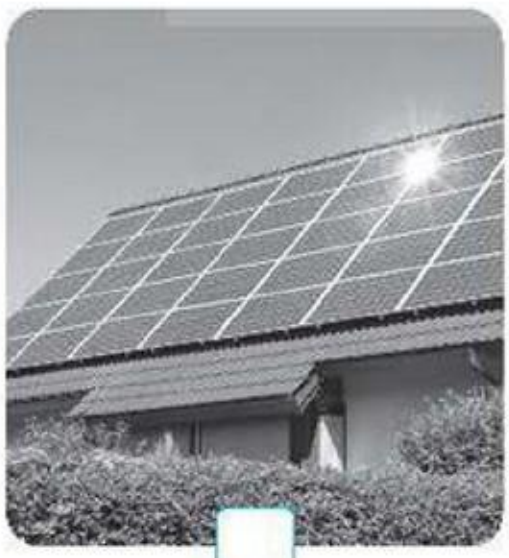
☐ b) Các loại nấm có hình dạng dài, ngắn, mập, gầy, tròn,... khác nhau.

☐ c) Kích thước của nấm không quá to, phù hợp với chế biến món ăn.

☐ d) Kích thước của nấm rất khác nhau, có thể bé bằng cái tăm cho đến lớn như bàn tay.

☐ e) Nấm trong tự nhiên có nhiều màu sắc khác nhau: nâu, vàng, trắng, đỏ,...

2 Quan sát một số hình dưới đây. Đánh dấu X vào ☐ phù hợp với mô tả về nơi sống của nấm.



☐ Trên mái nhà, nơi có nhiều ánh sáng



☐ Trên các thân cây gỗ mục, rơm rạ mục



Trên thực phẩm
để ở nơi ẩm thấp



Tường và trần nhà,
nơi ẩm thấp

3 Hãy vẽ một loại nấm mà em biết và ghi chú thích các bộ phận *chân nấm, thân nấm, mũ nấm* cho phù hợp.

Tên nấm: .....

4 Sử dụng các từ/cụm từ: *hình dạng, ẩm thấp, mũ nấm, khác nhau* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về đặc điểm của nấm.

Nấm có rất nhiều loại (1)..... Chúng có (2)....., kích thước, màu sắc rất đa dạng. Nấm sống và phát triển ở nơi (3) ....., thiếu ánh sáng. Nấm thường có các bộ phận: chân nấm, thân nấm, (4).....

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 20 NẤM ĂN VÀ NẤM TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

1 Hãy đánh dấu X vào ☐ trước tên một số nấm thường dùng làm thức ăn.

☐ a) Nấm rơm, nấm hương, mộc nhĩ.

☐ b) Nấm linh chi, nấm đông trùng hạ thảo.

☐ c) Nấm đùi gà, nấm đùi heo.

☐ d) Nấm kim châm, nấm sò, nấm lùn.

☐ e) Nấm sò, nấm mỡ, nấm yến.

☐ g) Nấm hải sản, nấm đùi gà, nấm mỡ.

2 Hãy viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** khi nói về lợi ích của nấm men trong chế biến một số loại thực phẩm.

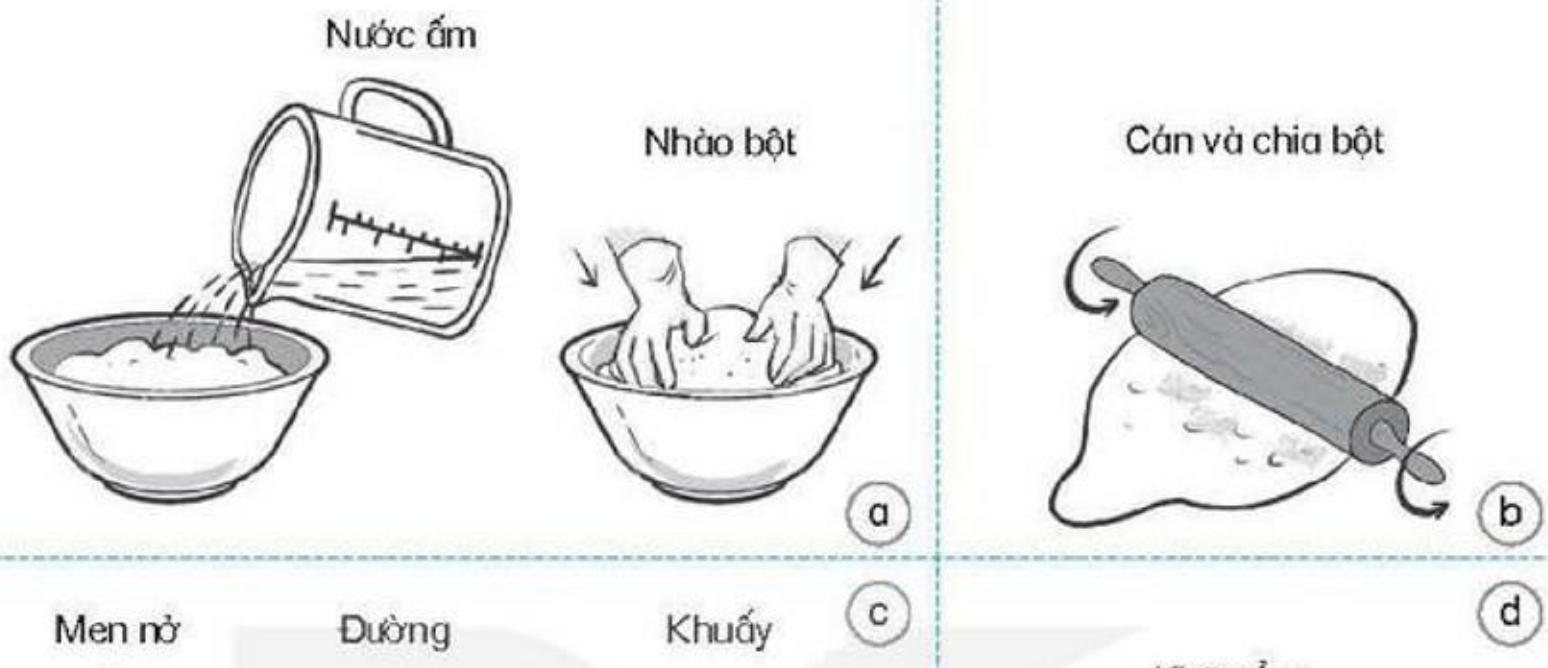
☐ a) Nấm men rượu giúp lên men rượu tạo ra các sản phẩm như rượu, bia.

☐ b) Nấm men giúp lên men cho rau củ khi muối chua.

☐ c) Nấm men cho vào sữa tươi để tạo ra sản phẩm sữa chua.

☐ d) Nấm men cho vào bột mì giúp cho bột mì nở ra, làm bánh tơi xốp.

3 Quan sát các hình dưới và sắp xếp theo thứ tự đúng các bước của "Quy trình ủ bột bánh mì". Viết sắp xếp của em vào chỗ (...) ở dưới.



.....

.....

.....

4 Sử dụng các từ/cụm từ: *ủ cùng bột; men nở; mềm, tơi xốp* điền vào chỗ (...) để hoàn thành một báo cáo về "Vai trò của nấm men trong quy trình ủ bột làm bánh mì".

Để chế biến các loại bánh mì người ta thường sử dụng một loại men gọi là (1)..... trong quá trình ủ bột làm bánh. Men nở được trộn và (2)..... trong khoảng thời gian từ 30 phút đến 40 phút. Quá trình ủ với men nở, bột sẽ nở ra do hình thành các bọt khí bên trong, từ đó tạo độ (3) ..... cho bánh mì.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 21 NẤM GÂY HỎNG THỰC PHẨM VÀ NẤM ĐỘC

1 Đánh dấu X vào ☐ phù hợp.

☐ a) Nấm mốc làm thay đổi màu sắc bên ngoài, mùi vị của thực phẩm.

☐ b) Nấm mốc thường sống và phát triển ở nơi ẩm ướt, xâm nhập vào thức ăn để lâu ngày.

☐ c) Nấm mốc xâm nhập vào thực phẩm, làm biến đổi mùi vị thực phẩm, do đó thực phẩm trở nên thơm ngon, hấp dẫn.

☐ d) Nấm mốc xâm nhập vào thực phẩm tạo ra độc tố. Người sử dụng thực phẩm nhiễm nấm mốc gây tác hại cho gan, thận, gây rối loạn tiêu hoá.

2 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.

☐ a) Nấm độc có màu sắc khác nhau, có thể có màu đỏ, trắng, nâu, có chấm trên mũ nấm,...

☐ b) Nấm độc có hình dạng đặc biệt, kích thước rất to, mùi đặc trưng. Khi đi hái nấm trong rừng rất dễ phân biệt so với nấm ăn được khác.

☐ c) Nấm độc và nấm ăn được có nhiều đặc điểm về hình dạng, màu sắc giống nhau, chúng đều mọc ở nơi ẩm ướt.

☐ d) Người ăn phải nấm độc sẽ bị ngộ độc, có thể bị đi ngoài, hoa mắt, thậm chí bị ngộ độc nặng có thể dẫn đến tử vong.

3 Sử dụng các từ/cụm từ: *độc tố, ngộ độc, mốc hỏng, nguy hại, Nấm mốc* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Nấm gây hại".

Có một số loại nấm có hại với đời sống của con người. (1) .... thường xâm nhập vào một số thực phẩm như đậu, đỗ, lạc, bánh mì,.... gây (2) ..... thực phẩm. Nấm độc phát triển trong môi trường tự nhiên có chứa (3) ..... trong các bộ phận của chúng.

Người ăn phải thực phẩm nhiễm nấm mốc hoặc ăn nhầm nấm độc đều bị (4) ....., ảnh hưởng đến cơ quan tiêu hoá, thần kinh, thậm chí nặng có thể (5) ..... đến tính mạng.

Bài 22 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NẤM

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.

☐ a) Nấm có hình dạng, kích thước và màu sắc khác nhau.

☐ b) Nấm dùng làm thức ăn có một số bộ phận (mũ nấm, thân nấm, chân nấm), còn nấm độc có bộ phận sinh ra độc tố nằm ở mũ nấm.

☐ c) Nấm dùng làm thức ăn và nấm độc đều có đặc điểm bên ngoài như nhau, rất khó phân biệt.

☐ d) Nấm sống ở nơi khô ráo, nhiều ánh sáng mặt trời.

☐ e) Không sử dụng thực phẩm bị nhiễm nấm mốc, kể cả khi gạt bỏ phần mốc vì độc tố đã nhiễm vào trong thực phẩm, mắt thường không nhìn thấy được.

☐ g) Nấm men được sử dụng nhiều trong chế biến thực phẩm như làm bánh mì, vỏ bánh bao, bia,...

2 Bạn Lan phát hiện trong khu vườn gần nhà có rất nhiều các loại nấm mọc tự nhiên. Có những loại nấm mà bạn Lan chưa nhìn thấy bao giờ.



a) Giúp bạn Lan lựa chọn ☐ "có" hoặc "không" cho việc làm ở dưới và viết giải thích vào chỗ (...) cho lựa chọn đó.

– Thu hoạch tất cả nấm về phơi khô để dành dùng dần.

☐ Có ☐ Không

.....

.....

.....

– Chọn và lấy các nấm ăn được trong đó để chế biến món ăn.

☐ Có ☐ Không

.....

.....

.....

b) Viết ý kiến của em để giải thích câu sau: "Sử dụng nấm mọc tự nhiên trong rừng lợi bất cập hại".

.....

.....

.....

3 Sử dụng các từ/cụm từ: *mũ nấm, thân nấm, chân nấm; nấm rơm, nấm hương, mộc nhĩ; ẩm ướt; rất khác nhau; mốc; mốc hỏng; mềm, tơi xốp; nấm độc* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo "Những điều cần biết về nấm".

Nấm trong tự nhiên có hình dạng, kích thước, màu sắc (1).....

Nấm men và nấm mốc có kích thước rất bé, mắt thường không nhìn thấy được. Nấm có một số bộ phận như (2) ..... Nấm sống ở nhiều nơi trên Trái Đất, trên mặt đất, dưới băng tuyết, các nơi (3)..... Một số loại nấm thường được sử dụng làm thực phẩm như (4) ....., ..., ... Nấm men dùng để tạo độ (5) ..... khi làm bánh mì, bánh bao; dùng lên men rượu, bia. Nấm (6) ..... gây hỏng thực phẩm. Không sử dụng thực phẩm có hiện tượng (7) ..... để phòng tránh bị nhiễm độc. Nấm mọc tự nhiên rất khó phân biệt giữa nấm ăn được và (8) ..... Vì vậy, không ăn các loại nấm lạ mọc tự nhiên.

CHỦ ĐỀ 5 CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

Bài 23 VAI TRÒ CỦA CHẤT DINH DƯỠNG ĐỐI VỚI CƠ THỂ

1 Đánh dấu X vào ☐ thể hiện tên của bốn nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn.

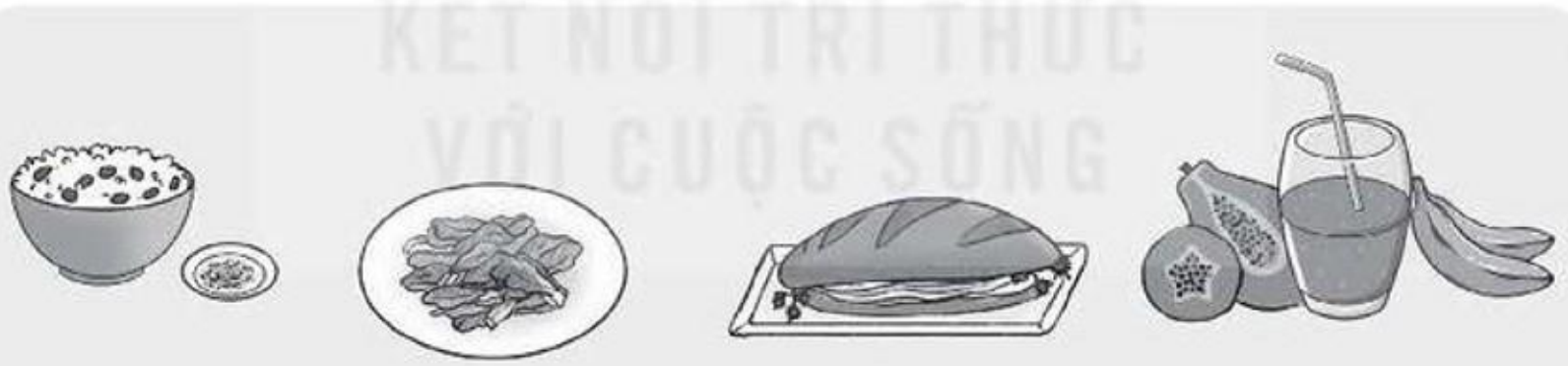
☐ a) Chất đạm, chất béo, chất sắt, vi-ta-min.

☐ b) Chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min và chất khoáng.

☐ c) Chất đạm, chất béo, vi-ta-min và chất xơ.

☐ d) Chất bột đường, chất đạm, chất béo, chất xơ.

2 Quan sát hình dưới đây, viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.



☐ a) Trong món xôi lạc với muối vừng có chứa chất bột đường, chất đạm, chất béo.

☐ b) Món rau cải luộc chủ yếu chứa chất đạm, vi-ta-min và chất khoáng.

☐ c) Trong đu đủ và chuối chứa nhiều vi-ta-min, chất khoáng.

☐ d) Món bánh mì kẹp trứng chứa chất đạm, vi-ta-min và chất khoáng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Viết vào chỗ (...) cho phù hợp tên một số loại thực phẩm mà em biết.

Thực phẩm cung cấp ít năng lượng	Thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng
Ví dụ: Quả ổi	Ví dụ: Cơm nếp (xôi)
.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

4 Sử dụng các từ/cụm từ: *học tập; bốn nhóm; đạm; rau; bệnh tật; vi-ta-min A, D, E, K; năng lượng; béo; bột đường* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Vai trò của các chất dinh dưỡng có trong thức ăn đối với sự phát triển của cơ thể".

Thực phẩm và thức ăn sử dụng hằng ngày thường được phân chia thành (1) ..... chất dinh dưỡng. Các chất dinh dưỡng giữ vai trò quan trọng đối với mọi hoạt động của cơ thể. Chất (2) ..... có vai trò cung cấp (3) ..... cho các hoạt động sống hằng ngày như ....., ăn uống, vui chơi và nhiều hoạt động khác. Chất (5)..... giúp cơ thể được đổi mới, phát triển và lớn lên. Chất (6) ..... giúp cơ thể dự trữ năng lượng, hấp thụ các (7)..... Các vi-ta-min, chất khoáng có trong (8)....., củ, quả giúp cơ thể tăng cường sức đề kháng, chống lại (9)..... và giúp cơ quan tiêu hoá làm việc tốt.

Bài 24 CHẾ ĐỘ ĂN UỐNG CÂN BẰNG

1 Hãy lựa chọn những lí do giải thích sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, quả chín và uống nước hằng ngày. Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.

☐ a) Phối hợp nhiều loại thức ăn để có nhiều món ăn, mỗi người lựa chọn món ăn theo sở thích.

☐ b) Phối hợp nhiều loại thức ăn sẽ đảm bảo cơ thể được cung cấp đủ các chất cần thiết từ bốn nhóm chất dinh dưỡng có trong thức ăn.

☐ c) Phối hợp thức ăn có nguồn gốc từ thực vật và động vật để cơ thể được cung cấp cả chất đạm, chất béo có nguồn gốc từ thực vật và động vật, giúp cơ thể khoẻ mạnh, phát triển toàn diện.

☐ d) Phối hợp nhiều loại thức ăn chứa chất đạm, chất béo có nguồn gốc từ thực vật và động vật để tiết kiệm chi phí mua thực phẩm.

☐ e) Phối hợp ăn nhiều rau, quả chín để cơ thể được bổ sung vi-ta-min, chất khoáng từ thức ăn, giúp tăng cường sức đề kháng và giúp cơ quan tiêu hoá hoạt động tốt.

2 Em hãy:

a) Viết vào bảng dưới đây tên thức ăn, đồ uống em đã ăn hai ngày gần đây ở nhà và ở trường.

Ngày	Bữa sáng	Bữa trưa	Bữa phụ	Bữa tối
.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....

b) Đối chiếu với "Tháp dinh dưỡng" trong sách giáo khoa và hoàn thành bảng theo gợi ý:

Các bữa ăn ở nhà, ở trường	Đánh dấu vào cột tương ứng những chất dinh dưỡng có trong bữa ăn của hai ngày					
	Chất bột đường	Chất đạm	Chất béo	Vitamin, chất khoáng	Rau, quả	Nước lọc
Ví dụ: Ngày ...	x	x	x			
Ngày thứ nhất						
Ngày thứ hai						

c) Viết nhận xét về:

– Bữa ăn của ngày thứ nhất: .....

.....

– Bữa ăn của ngày thứ hai: .....

.....

3 Sử dụng các từ/cụm từ: *động vật, hạn chế, muối và đồ ngọt, Tháp dinh dưỡng, bốn nhóm, thực vật, nhiều loại* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Chế độ ăn uống cân bằng đối với sự phát triển của cơ thể".

Ăn uống cân bằng cần phối hợp (1) ..... thực phẩm khác nhau, đảm bảo đủ (2) ..... chất dinh dưỡng với hàm lượng thích hợp; phối hợp thực phẩm có nguồn gốc từ (3)..... với thực phẩm có nguồn gốc từ (4) ..... để cơ thể phát triển toàn diện. Ăn uống lành mạnh cần (5) ..... sử dụng thức ăn chế biến sẵn, thức ăn nhiều dầu mỡ, (6) .... để cơ thể khoẻ mạnh. Sử dụng sơ đồ (7) .... giúp chúng ta biết được lượng thực phẩm một người nên sử dụng mỗi ngày.

Bài 25

MỘT SỐ BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN DINH DƯỠNG

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** khi nói về những dấu hiệu chính của bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng.

☐ a) Người bị bệnh thừa cân béo phì có những lớp mỡ nhiều quá mức ở dưới cánh tay, bụng, eo, cằm,...

☐ b) Người bị bệnh thừa cân béo phì có cân nặng theo chiều cao ở mức bình thường theo độ tuổi.

☐ c) Người bị bệnh suy dinh dưỡng thấp còi có chiều cao, cân nặng ở mức thấp hơn chiều cao, cân nặng của người cùng độ tuổi.

☐ d) Người bị bệnh thiếu máu thiếu sắt thường có da xanh, cơ thể hay mệt, học tập và làm việc thiếu tập trung.

2 Viết vào chỗ (...) nguyên nhân dẫn đến một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng cho phù hợp.

Nguyên nhân dẫn đến bệnh thừa cân béo phì	Nguyên nhân dẫn đến bệnh thiếu máu thiếu sắt
Ví dụ: Ăn quá nhiều so với khẩu phần ăn theo tiêu chuẩn	....

3 Viết một số việc làm để cùng người thân thực hiện phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng theo gợi ý dưới đây.

Việc làm	Người trong gia đình thực hiện	Nhận xét việc thực hiện
Ví dụ: Tập thể dục hằng ngày	ông, bà, bố, mẹ, em	☐ Tốt ☐ Chưa tốt

4 Sử dụng các từ/cụm từ: *ba bữa; cân bằng, hợp lí; bốn nhóm chất; 60 phút; bác sĩ mỗi tháng một lần; làm việc nhà* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng".

Chế độ ăn uống không (1) .....,.....là một trong những nguyên nhân dẫn đến bệnh liên quan đến dinh dưỡng.

Để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng, chúng ta cần:

– Ăn đủ (2) ..... trong ngày và ăn đa dạng các món ăn chứa (3) ..... dinh dưỡng.

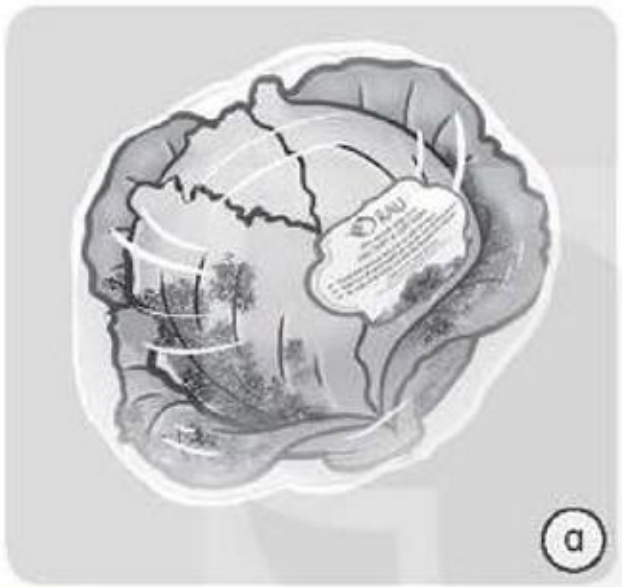
– Vận động cơ thể ít nhất (4) ..... mỗi ngày như đi bộ, đi xe đạp, chơi thể thao, (5)..... phù hợp.

– Theo dõi chiều cao và cân nặng cơ thể thường xuyên.

– Gặp (6)..... để kiểm tra sức khoẻ nếu có dấu hiệu tăng cân hoặc giảm cân nhiều quá mức, cơ thể mệt mỏi,...

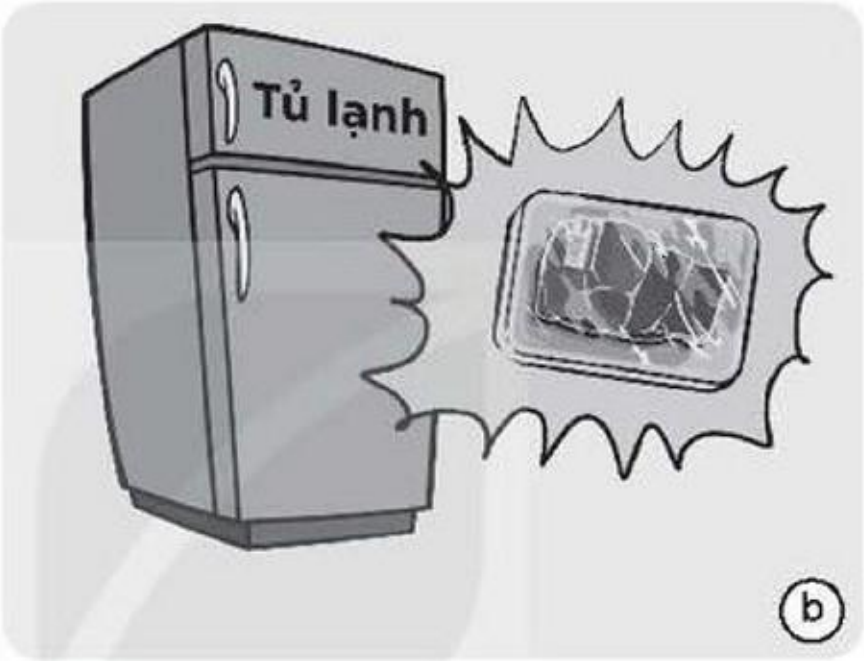
Bài 26 THỰC PHẨM AN TOÀN

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** để ôn lại kiến thức về những dấu hiệu chính nhận biết thực phẩm an toàn.



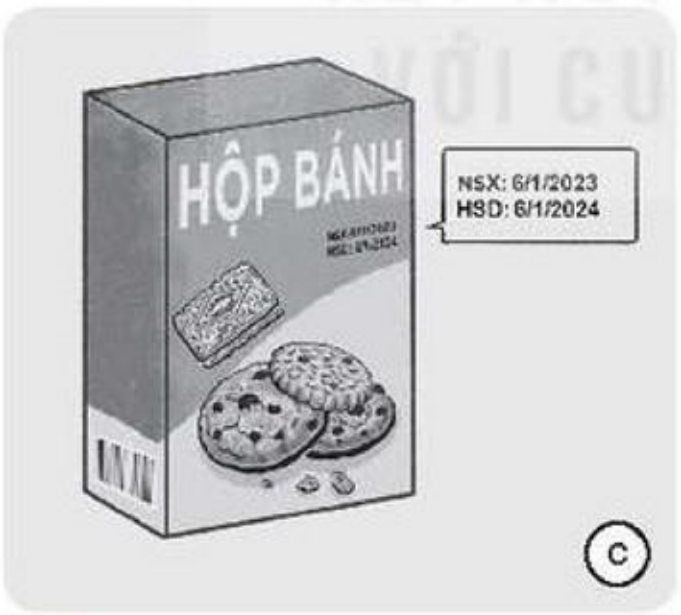
a

☐ Rau, củ có nhiều dấu hiệu dập nát, nhưng được bảo quản trong túi, có nguồn gốc địa chỉ sản xuất rõ ràng.



b

☐ Thực phẩm tươi sống có màu sắc tươi, sáng, được bảo quản hợp vệ sinh.



c

☐ Thực phẩm chế biến sẵn có địa chỉ sản xuất, còn hạn sử dụng, bảo quản hợp vệ sinh.



d

☐ Thực phẩm cần được chế biến hợp vệ sinh và được nấu chín trước khi ăn.

2 Đánh dấu X vào ☐ phù hợp để giải thích lí do cần sử dụng thực phẩm an toàn.

☐ a) để tránh ăn phải thực phẩm không tươi mới, thậm chí bị ôi, thiu mốc hỏng.

☐ b) để phòng tránh bị bệnh thừa cân béo phì, đảm bảo cân nặng theo chiều cao ở mức bình thường theo độ tuổi.

☐ c) để không bị đau bụng, đi ngoài; ngộ độc thực phẩm.

☐ d) để đảm bảo thực phẩm có giá trị về dinh dưỡng, năng lượng, có lợi cho sức khoẻ.

☐ e) để đảm bảo sức khoẻ, bảo vệ tính mạng và phòng tránh bệnh tật cho bản thân.

3 Sử dụng các từ/cụm từ: *ngộ độc thực phẩm; nguồn gốc xuất xứ; có lợi; ôi, thiu; hợp vệ sinh* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Thực phẩm an toàn".

Thực phẩm an toàn được nuôi trồng, chế biến và bảo quản (1) .....; có tem nhãn ghi rõ (2) .....; có màu sắc tươi mới; không có dấu hiệu (3)..... mốc, hỏng.

Sử dụng thực phẩm an toàn (4) ..... cho sức khoẻ, đề phòng bệnh tật, ngăn ngừa nguy cơ bị (5)..... có thể nguy hại đến tính mạng.

Bài 27 PHÒNG TRÁNH ĐUỐI NƯỚC

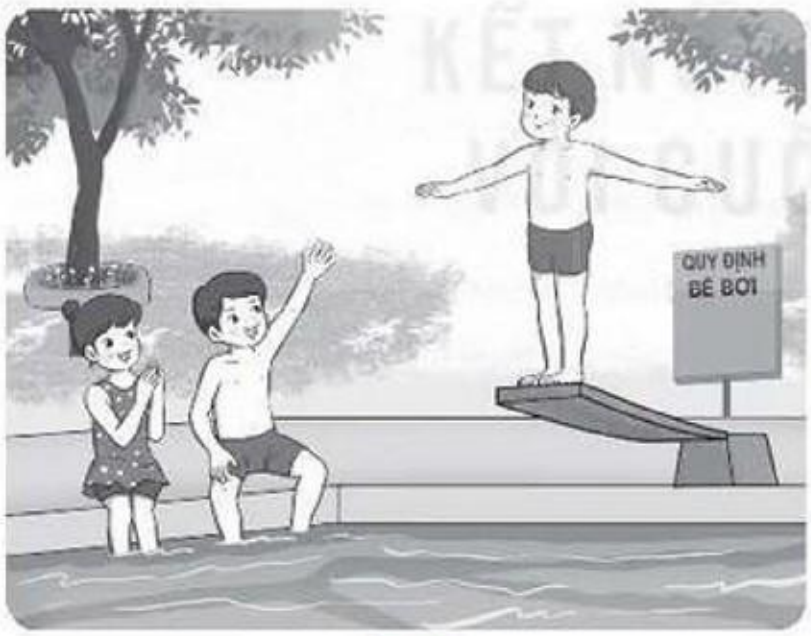
1 Viết vào ☐ dưới mỗi hình chữ N thể hiện hành động nên làm, chữ K thể hiện hành động **không** nên làm để phòng tránh đuối nước.



☐



☐



☐



☐

2 Trong bài tập này, em sẽ ôn lại kiến thức về kĩ năng phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước. Hãy quan sát tình huống và viết vào chỗ (...) để hoàn thành các bước dưới đây:



Bước1: Em quan sát thấy: .....

.....

Bước 2: Em phân tích điều quan sát thấy: .....

.....

Bước 3: Em dự đoán có nguy cơ: .....

.....

Bước 4: Em đưa ra cách ứng xử: .....

.....

3 Sử dụng các từ/cụm từ: *nơi an toàn; phao tròn, áo phao; giao thông đường thuỷ; rào kín; lại gần; nguy cơ đuối nước; bơi một mình; chơi đùa gần* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Phòng tránh đuối nước".

Đuối nước có thể xảy ra với cả trẻ em và người lớn. Có một số tình huống dẫn đến (1)..... như bơi ở nơi không an toàn; trẻ em (2)....., không có người bảo hộ, giám sát; không thực hiện đúng an toàn khi tham gia (3).....;...

Để phòng tránh đuối nước:

– Nên làm: học bơi và bơi ở những (4)....., có phương tiện cứu hộ như (5)....., ... và người lớn giám sát; thực hiện đúng các quy định về an toàn khi tham gia giao thông đường thuỷ; che chắn bể chứa nước, (6).....ao, khu vực ngập nước.

– Không nên làm: (7)....., đi bơi ở hồ ao, sông, suối; đi qua, (8)..... nơi có dòng nước lớn, các nơi ngập nước.

Bài 28 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**, ôn lại những việc làm cần thiết để phòng tránh bệnh liên quan đến dinh dưỡng.

☐ a) Ăn đủ thức ăn từ bốn nhóm chất dinh dưỡng với lượng phù hợp.

☐ b) Không cần uống nước trong ngày khi cơ thể không bị ra mồ hôi.

☐ c) Không nên ăn các món ăn chế biến từ thịt để phòng tránh béo phì.

☐ d) Thực hiện chế độ ăn uống hợp lí và vận động cơ thể 60 phút mỗi ngày.

2 Nối "Tình huống" ở cột A với "Nguy cơ đối với cơ thể" ở cột B cho phù hợp.

A Tình huống	B Nguy cơ đối với cơ thể
1. Khi bạn thường xuyên không ăn rau, thích ăn đồ chiên rán.	a) Cơ thể sẽ không đủ nước cho hoạt động bình thường của các cơ quan trong cơ thể; bạn có thể bị nóng người hoặc có khả năng dẫn đến bệnh táo bón.
2. Khi bạn hay ăn quà, thức ăn bán ở vỉa hè.	b) Bạn có thể bị nhiễm bệnh do nguồn nước không đảm bảo vệ sinh; đặc biệt có thể gặp nguy hiểm và có thể bị đuối nước.
3. Khi bạn không thường xuyên uống nước.	c) Cơ thể sẽ thiếu vi-ta-min, chất khoáng. Sức đề kháng của cơ thể sẽ yếu đi. Bạn dễ bị mắc bệnh thừa cân béo phì.
4. Khi bạn đi bơi ở hồ, ao cùng bạn bè.	d) Bạn sẽ không biết nguồn gốc thực phẩm có an toàn hay không; ngoài hè đường nhiều bụi bẩn mất vệ sinh, bạn có thể bị đau bụng.

3 Đánh dấu X vào ☐ thể hiện những việc em đã làm, viết thêm những việc khác vào chỗ (...)

Việc làm để giữ vệ sinh, sử dụng an toàn thực phẩm.

☐ a) Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.

☐ b) Dùng tay bốc thức ăn.

☐ c) Uống nước xi-rô mua ở vỉa hè, đường phố, uống nước ở chum, vại.

☐ d) Ăn thức ăn đã nấu chín, uống nước đun sôi để nguội.

☐ e) Ăn thức ăn không rõ nguồn gốc, có mùi vị lạ.

☐ g) Kiểm tra nguồn gốc, thời hạn sử dụng của thực phẩm trước khi ăn.

.....

.....

4 Hãy điền những hoạt động đã thực hiện vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về "Vận động những người thân trong gia đình phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng".

Người lớn và trẻ em trong gia đình đều có thể mắc một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng như thừa cân béo phì, hay thiếu máu thiếu sắt. Để cả gia đình đều khoẻ mạnh, cả nhà em đã cùng nhau:

– Ăn .....

.....

– Uống .....

.....

– Thực hiện một số việc nhà như: .....

.....

CHỦ ĐỀ 6 SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

Bài 29 CHUỖI THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

Khoanh vào chữ cái trước phương án đúng cho các câu từ 1 đến 2.

1 Cho sơ đồ sau: Cây cải → Con sâu → Con chim.

A. Cây cải là nơi ở của chim sâu.

B. Sâu là con non của chim.

C. Cây cải là thức ăn của con sâu.

D. Chim ăn phải sâu sẽ bị chết.

2 Sơ đồ biểu diễn chuỗi thức ăn của ba loài sinh vật như sau:

Tảo → tôm → cá hồi.

A. Ba loài sinh vật tảo, tôm, cá hồi có mối liên hệ về thức ăn với nhau.

B. Tôm sử dụng cá hồi làm thức ăn.

C. Tảo là nguồn thức ăn duy nhất của tôm.

D. Các loài sinh vật tảo, tôm và cá hồi chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn trên.

3 Bằng quan sát thực tế và hiểu biết của mình, em hãy viết các chuỗi thức ăn bắt đầu bằng các sinh vật sau:

(1) Lúa → ..... → .....

(2) Bèo → ..... → .....

(3) Cây ổi → ..... → .....

4 Trong một hồ nước có bèo là thức ăn của ốc bươu, cá trê ăn ốc bươu. Trong hồ còn các các thực vật phù du là thức ăn của một số loài động vật phù du, động vật phù du là thức ăn của tôm, tôm cũng là thức ăn của cá trê; ốc bươu cũng ăn các thực vật phù du.

Chuỗi thức ăn nào dưới đây **không** có trong hồ nước mô tả trên? Khoanh vào chữ cái trước ý đúng.

A. Bèo → Ốc bươu → Cá trê.

B. Thực vật phù du → Cá con → Cá trê.

C. Thực vật phù du → Động vật phù du → Tôm → Cá trê.

D. Thực vật phù du → Ốc bươu → Cá trê.

5 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** cho các phát biểu sau về mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên.

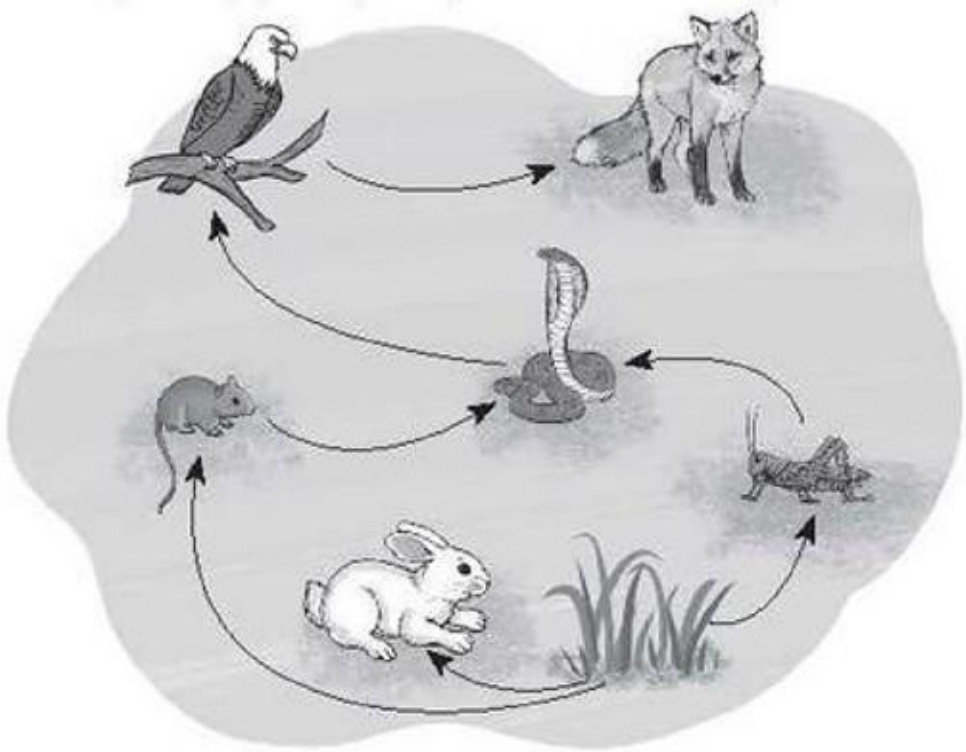
☐ a) Dãy gồm nhiều loài sinh vật có mối quan hệ về thức ăn nối tiếp nhau tạo thành chuỗi thức ăn.

☐ b) Mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn duy nhất.

☐ c) Chuỗi thức ăn thể hiện sinh vật này sử dụng sinh vật khác làm thức ăn.

☐ d) Chuỗi thức ăn giữa các sinh vật chỉ có giữa các sinh vật ở rừng hoặc ở biển.

6 Hình dưới mô tả mối liên hệ thức ăn giữa các sinh vật ở đồng cỏ gồm: *cây cỏ, châu chấu, chuột, thỏ, rắn, chim diều hâu và cáo.*



a) Hãy viết các chuỗi thức ăn có thể có trên đồng cỏ.

.....

.....

.....

b) Sinh vật nào là sinh vật đứng đầu chuỗi trong các chuỗi thức ăn trên?

.....

.....

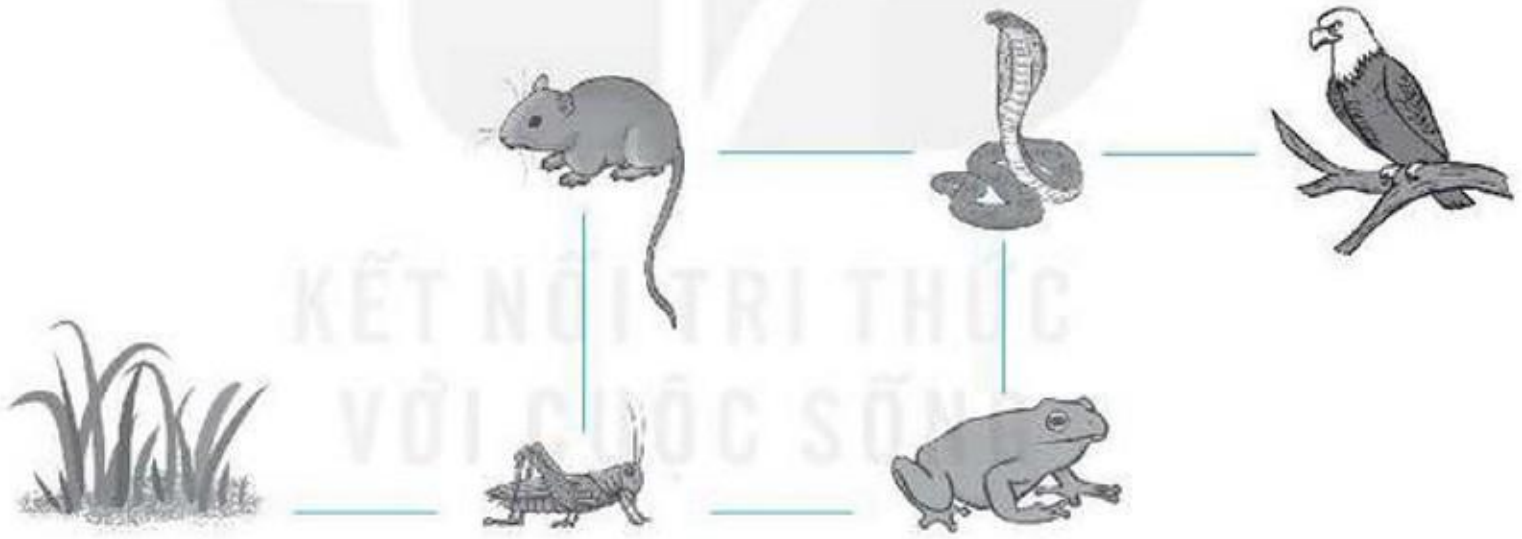
c) Kể tên các sinh vật tham gia vào nhiều chuỗi thức ăn.

.....

.....

7 Quan sát hình dưới đây.

a) Hãy viết hướng mũi tên theo các đường gạch nối thể hiện mối liên hệ về thức ăn giữa các sinh vật trong hình.



b) Viết các chuỗi thức ăn có trong hình trên.

.....

.....

.....

8 Điền từ thích hợp vào chỗ (...) để hoàn thành các câu sau:

Các sinh vật trong tự nhiên có mối liên hệ với nhau về thức ăn, sinh vật này là (1)..... của sinh vật khác, mối liên hệ đó nối tiếp nhau tạo thành (2)..... thức ăn. Sinh vật đứng sau mũi tên sử dụng sinh vật (3)..... làm (4).....

Bài 30 VAI TRÒ CỦA THỰC VẬT TRONG CHUỖI THỨC ĂN

1 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai**.

☐ a) Thực vật trong chuỗi thức ăn có vai trò cân bằng chuỗi thức ăn.

☐ b) Thực vật trong chuỗi thức ăn thường đứng đầu chuỗi, cung cấp thức ăn cho động vật và người.

☐ c) Thực vật trong chuỗi thức ăn tạo ra khí ô-xi cho không khí, không thu nhận khí các-bô-níc.

☐ d) Thực vật trong chuỗi thức ăn chỉ thu nhận khí các-bô-níc trong không khí.

2 Trên cánh đồng trồng khoai tây có chuỗi thức ăn sau:



Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** cho các phát biểu dự đoán về sự thay đổi của các sinh vật trong chuỗi thức ăn ở hình trên trong một số trường hợp sau:

☐ a) Khi khoai tây mất mùa, số lượng chuột sẽ giảm, số lượng rắn sẽ tăng.

☐ b) Nếu rắn bị con người bắt khiến số lượng rắn giảm mạnh thì số lượng chuột sẽ tăng lên và khoai tây sẽ ít bị phá hại.

☐ c) Khi khoai tây mất mùa, số lượng chuột sẽ giảm và số lượng rắn cũng bị giảm.

☐ d) Nếu rắn bị con người bắt làm số lượng rắn giảm mạnh thì số lượng chuột sẽ tăng lên và phá hại khoai tây nhiều hơn.

3 Sắp xếp các hoạt động ở cột B vào việc nên làm ở cột A và việc **không** nên làm ở cột C giúp cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên.

A Việc nên làm	B Các hoạt động	C Việc không nên làm
.....	1. Trồng rừng. 2. Sử dụng thuốc trừ sâu sinh học. 3. Bảo vệ động vật hoang dã. 4. Sử dụng mìn để đánh bắt cá. 5. Xử lí nước thải.	.....

4 Trong một khu vườn có ếch ăn châu chấu, ong. Châu chấu ăn lá cây. Ong hút ăn mật hoa của cây.

a) Viết vào chỗ (...) các chuỗi thức ăn có thể có trong khu vườn có mặt ếch.

.....

.....

b) Theo em nếu ếch bị tiêu diệt hết thì số lượng các sinh vật trong khu vườn trên thay đổi như thế nào? Giải thích.

.....

.....

5 Quan sát khu vườn trong hình.



a) Viết ba chuỗi thức ăn có thể có ở khu vườn trên.

.....

.....

.....

b) Nếu trong khu vườn trên rắn và chim sẻ bị tiêu diệt hết thì điều gì có thể xảy ra với số lượng các sinh vật khác trong các chuỗi thức ăn mà em đã viết? Giải thích.

.....

.....

.....

6 a) Hãy viết ba chuỗi thức ăn bắt đầu bằng các loài sau:

Cây ngô → .....

Cây rau cải →.....

Cây rong → .....

b) Nêu vai trò của thực vật trong ba chuỗi thức ăn trên.

.....

.....

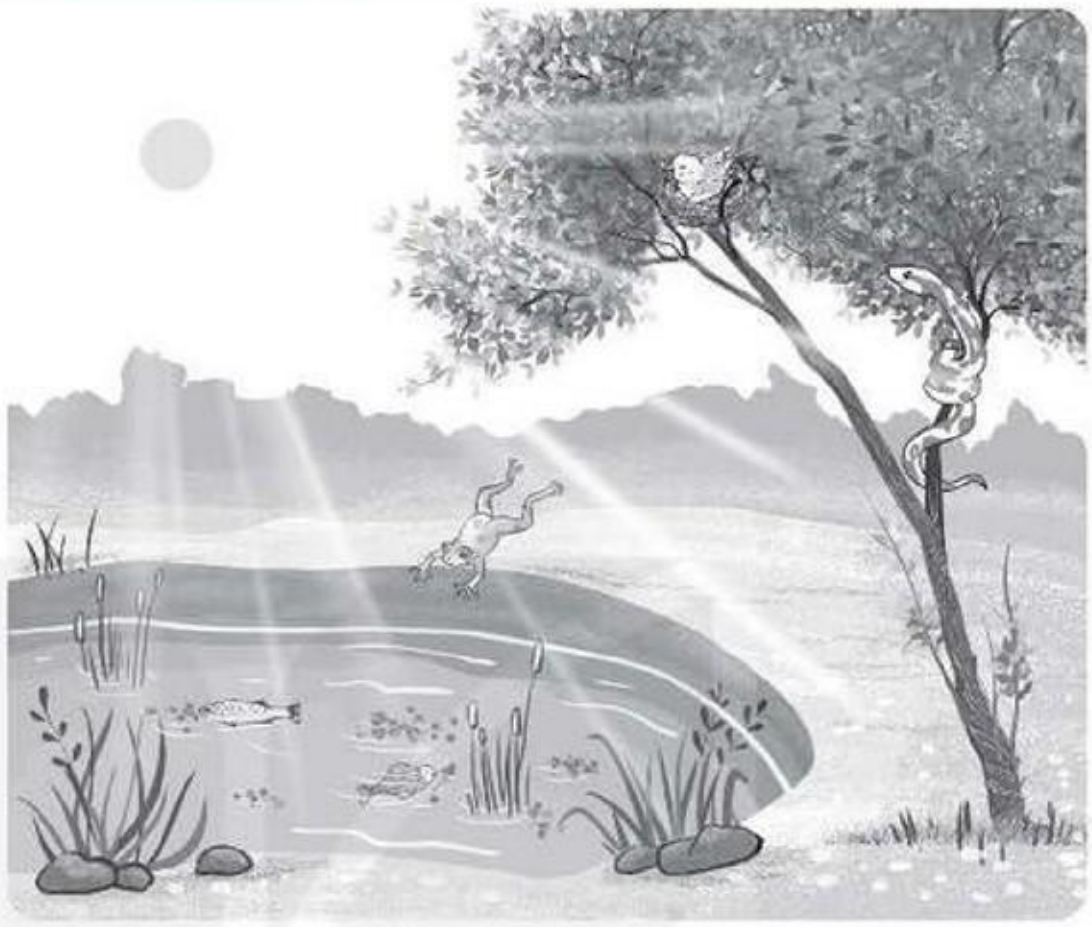
.....

7 Sử dụng các từ/cụm từ: *động vật, đứng đầu, tự tổng hợp, chất dinh dưỡng, ánh sáng* điền vào chỗ (...) để hoàn thành đoạn thông tin nói về vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn (Mỗi từ/cụm từ có thể dùng nhiều lần).

Thực vật có khả năng tự tổng hợp (1)..... từ nước và khí các-bô-níc dưới tác dụng của (2)..... Động vật và con người không thể (3)..... chất dinh dưỡng như thực vật mà phải lấy từ thức ăn. Trong chuỗi thức ăn, thực vật thường là sinh vật (4)..... của chuỗi. Chúng là nguồn (5)..... của con người và nhiều loài 6)..... .....

Bài 31 ÔN TẬP CHỦ ĐỀ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

1 Trong bài tập dưới, em sẽ ôn lại kiến thức về chuỗi thức ăn trong tự nhiên. Hãy quan sát hình và thực hiện:



a) Vẽ mũi tên thể hiện mối quan hệ thức ăn giữa Mặt Trời – sinh vật, sinh vật – sinh vật.

b) Viết tên các sinh vật trong chuỗi thức ăn có từ ba sinh vật trở lên theo gợi ý dưới:

Cây ..... → ..... → .....

.....

.....

2 Viết vào ☐ chữ Đ trước ý **đúng**, chữ S trước ý **sai** thể hiện vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn ở hình của câu 1.

☐ a) Sử dụng năng lượng mặt trời tạo ra chất dinh dưỡng để phát triển.

☐ b) Làm bóng mát, nơi ở của chim sâu và rắn.

☐ c) Cung cấp khí ô-xi cho con người.

☐ d) Là thức ăn của cá và sâu.

3 Nối việc làm ở cột A với ý nghĩa của việc làm giúp cân bằng chuỗi thức ăn ở cột B cho phù hợp.

A Việc làm	B Ý nghĩa của việc làm
1. Trồng, chăm sóc cây xanh	a) Chúng ăn cung quăng, bọ gậy do muỗi sinh sản trong nước
2. Sử dụng phân ủ từ gốc rau, củ để bón cho cây trồng	b) Cung cấp khí ô-xi cho quá trình hô hấp, duy trì sự sống của sinh vật.
3. Nuôi cá nhỏ trong các bể cảnh có chứa nước	c) Tránh nguy cơ loài đó bị tuyệt chủng, khiến thức ăn của chúng (như côn trùng, cá, chuột,...) phát triển không ngừng, có thể gây hại cho mùa màng, chăn nuôi.
4. Không săn bắt các loài rắn trong tự nhiên để làm thuốc	d) Tăng số lượng sinh vật có lợi trong đất, giúp cây dễ hấp thụ các chất khoáng

4 Sử dụng các từ/cụm từ: *cân bằng, dinh dưỡng, mặt trời, thức ăn, chuỗi thức ăn* điền vào chỗ (...) để hoàn thành báo cáo về mối liên hệ của sinh vật trong tự nhiên và vai trò của thực vật trong mối liên hệ đó.

Các sinh vật trong tự nhiên có mối liên hệ với nhau về (1) ..... tạo thành (2) ..... Trong đó, số lượng các sinh vật được duy trì tương đối ổn định tạo thành trạng thái (3) .... của chuỗi thức ăn. Dưới ánh sáng (4) ...., thực vật có khả năng tự tổng hợp chất (5) ..... từ không khí, nước và chất khoáng. Chúng là nguồn thức ăn của động vật và con người.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: ĐỖ THỊ BÍCH LIÊN – TRẦN THỊ PHƯƠNG – CHÂU THỊ SÂM
Thiết kế sách: ĐỖ TRƯỜNG SƠN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI THU HƯỜNG
Sửa bản in: ĐỖ THỊ BÍCH LIÊN – TRẦN THỊ PHƯƠNG – CHÂU THỊ SÂM
Chế bản: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP KHOA HỌC 4
Mã số: G3BH4K001A23
In .....bản, (QĐ .....) khổ 17 x 24 cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/148-2097/GD
Số QĐXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: 978-604-0-35092-3



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập hai
3. Vở bài tập Toán 4, tập một
4. Vở bài tập Toán 4, tập hai
5. Vở bài tập Khoa học 4
6. Vở bài tập Đạo đức 4
7. Vở bài tập Mĩ thuật 4
8. Vở bài tập Âm nhạc 4
9. Vở bài tập Công nghệ 4
10. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4
11. Vở bài tập Tin học 4
12. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4
13. Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-35092-3

9 786040 350923

Giá: ..... đ